TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

# PAC

PINACO



PINACO

## TẦM NHÌN

PINACO trở thành nhà sản xuất Pin và Ắc Quy hàng đầu khu vực Đông Nam Á, vươn ra Châu Á và thế giới

## SỨ MỆNH

Cung cấp giải pháp năng lượng an toàn, hiệu quả và tin cậy cho khách hàng.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tất cả cán bộ công nhân viên PINACO cam kết làm việc và hành xử theo nguyên tắc "**4C**"



PINACO




# NĂNG LƯỢNG VƯỢT TRỘI DẪN LỐI THÀNH CÔNG

**Pin các loại**

**Pin Alkaline:**
Pin đũa LR6/AM3/AA-Size -
Pin tiểu LR03/AM4/AAA-Size -

**Pin truyền thống:**
Pin đại R20/UM1/D-Size -
Pin tiểu R6P/UM3/AA-Size -
Pin đũa 03/UM4/AAA-Size -

**Ắc quy các loại**

- Ắc quy AGM
- Ắc quy miễn bảo dưỡng (CMF)
- Ắc quy Hybrid
- Ắc quy truyền thống (nước)
- Ắc quy dân dụng
- Ắc quy công nghiệp
- Ắc quy khô (VRLA)

# MỤC LỤC

**GIỚI THIỆU CÔNG TY ..... 6**

Thông tin chung ..... 7

Mô hình quản trị và bộ máy quản lý ..... 13

Định hướng phát triển ..... 15

Các rủi ro ..... 16

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019 ..... 19**

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ..... 20

Tổ chức, nhân sự và chính sách đối với người lao động ..... 20

Tình hình tài chính ..... 22

Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu ..... 25

**BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ..... 27**

Bảo vệ môi trường ..... 28

Quản trị đầu vào trong quá trình sản xuất ..... 28

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường ..... 30

Chính sách bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội ..... 30

**BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ..... 33**

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 ..... 34

Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020 ..... 36

**BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ..... 39**

Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2019 ..... 40

Đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc ty năm 2019 ..... 41

Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2020 ..... 43

**BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT ..... 45**

Báo cáo hoạt động của ban kiểm soát năm 2019 ..... 46

Kế hoạch công tác năm 2020 ..... 49

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019 ..... 52**

**PHỤ LỤC ..... 82**

Bảng 01 ..... 82

Bảng 02 ..... 87

Bảng 03 ..... 88

# THÔNG ĐIỆP

## CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Kính gửi Quý Cổ đông, Quý khách hàng, Nhà đầu tư và toàn thể cán bộ công nhân viên của* **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM (PINACO).**

*Mặc dù năm 2019 tình hình kinh tế - chính trị thế giới diễn biến hết sức phức tạp, khó lường. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng quyết liệt đã ảnh hưởng lớn đến kinh tế toàn cầu, điều này tác động đến nền kinh tế nước ta. Trước tình hình trên Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời, đề ra các chính sách linh hoạt liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với những nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty và sự lãnh đạo quyết liệt, hiệu quả của Ban điều hành cho nên năm qua các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế đều vượt kế hoạch. Tổng doanh thu đạt 3.541 tỷ đồng, tăng 4,2%, lợi nhuận trước thuế đạt 212 tỷ đồng, tăng 16,5% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra từ đầu năm.*

*Năm qua PINACO tiếp tục đạt danh hiệu Hàng Việt Nam Chất lượng cao, top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam. PINACO là nhà tài trợ bạch kim cho giải Sea Games 30, thông qua đó thương hiệu của Công ty được quảng bá không chỉ tại Việt Nam mà cả khu vực ASEAN, nâng thương hiệu lên tầm cao mới. Bên cạnh đó, Công ty còn tích cực thực hiện các hoạt động xã hội, từ thiện hướng đến cộng đồng. Những kết quả đạt được trong năm 2019 chính là động lực và tiền đề để PINACO tự tin hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.*

*PINACO cam kết luôn đem đến cho khách hàng, người tiêu dùng các sản phẩm chất lượng cao và thân thiện với môi trường, xứng đáng với danh hiệu "**Thương hiệu quốc gia đại diện cho ngành Pin và Ắc Quy**".*

***Chúng tôi cam kết thực hiện chính sách chất lượng:***

- *Hướng tới khách hàng: Đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường, cung cấp đầy đủ và kịp thời những sản phẩm có chất lượng ổn định, giá cả phù hợp.*
- *Thị trường nội địa là sống còn, thị trường xuất khẩu là phát triển.*
- *Tuân thủ pháp luật, đảm bảo cải tiến liên tục nhằm mục tiêu hiệu quả và minh bạch trong mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh.*
- *Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Cổ đông, Người lao động, Nhà nước, Đối tác và Cộng đồng.*

***Đối với vấn đề môi trường, chúng tôi cam kết:***

- *Tuân thủ pháp luật, các quy định và yêu cầu khác về môi trường có liên quan.*
- *Thiết lập, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý môi trường phù hợp nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường.*
- *Truyền đạt chính sách môi trường đến từng nhân viên, các nhà thầu và các bên liên quan nhằm đảm bảo sự tham gia của mọi người.*

*Một lần nữa thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Nhà phân phối, Đối tác và toàn thể Người lao động đã hợp tác, đoàn kết, chia sẻ những khó khăn, làm việc hết mình vì sự phát triển của Công ty. Đặc biệt, xin gửi lời cảm ơn đến Quý khách hàng về sự tin nhiệm và tin dùng đối với sản phẩm PINACO.*

*Trân trọng!*

# GIỚI THIỆU CÔNG TY

*1. Thông tin chung*
*2. Sơ đồ tổ chức*
*3. Định hướng phát triển*
*4. Các rủi ro*

PINACO



## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1.1. Thông tin khái quát:

| THÔNG TIN CƠ BẢN | |
|---|---|
| Tên công ty | **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM** |
| Tên tiếng anh | **DRY CELL AND STORAGE BATTERY JOINT STOCK COMPANY** |
| Tên giao dịch | **PINACO** |
| Giấy CNĐKKD | Số 0300405462 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 23/09/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 30/01/2020. |
| Vốn điều lệ | 464.717.070.000 VNĐ *(Bốn trăm sáu mươi tư tỷ, bảy trăm mười bảy triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng)* |
| Trụ sở chính | 321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. HCM |
| Điện thoại | (84 28) 3920 3062 – 3920 3063 |
| Fax | (84 28) 3920 3060 – 3920 3061 |
| Email | pinaco@pinaco.com.vn |
| Website | www.pinaco.com.vn |
| **THÔNG TIN CỔ PHIẾU** | |
| Mã chứng khoán | **PAC** |
| Sàn niêm yết | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) |
| Ngày bắt đầu niêm yết | 12/12/2006 |
| Số lượng cổ phiếu lưu hành | 46.471.707 cổ phiếu |



**1.2. Quá trình hình thành và phát triển:**

| Năm 1976 >> | Năm 1993 >> | Năm 1998 >> | Năm 2003 >> | Năm 2004 >> | Năm 2006 >> |
|---|---|---|---|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM (PINACO)**, trước đây là Công ty Pin Ắc quy miền Nam, được Tổng cục Hóa chất (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) quyết định thành lập vào ngày 19/04/1976 trên cơ sở quốc hữu hóa toàn bộ các nhà máy: Pin Con Ó (Vidopin), Pin Con Mèo, Pin Hột Xoàn, nhà máy bình điện VABCO và nhà máy bình điện VIDECO | Ngày 25/05/1993, theo Nghị định 388 của Chính phủ về việc thành lập lại các doanh nghiệp Nhà nước, Bộ Công Nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương) ra quyết định số 304/QĐ/TCNSĐT thành lập lại Công ty Pin Ắc Quy Miền Nam (PINACO) trực thuộc Tổng Công ty Hóa Chất Việt Nam | Từ năm 1998, PINACO bắt đầu thực hiện liên tục đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất, thay thế dần công nghệ sản xuất cũ lạc hậu bằng công nghệ sản xuất mới | Đầu tư mới Xí nghiệp Ắc Quy Sài Gòn tại Khu Công nghiệp Tân Tạo | Ngày 01/10/2004, PINACO chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/9/2004 | PINACO niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM theo Giấy Phép Niêm yết cổ phiếu số 69/UBCK-GPNY của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và chính thức thực hiện phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 12/12/2006 với mã chứng khoán là PAC với giá giao dịch là 40.000 đồng/cổ phiếu |
| **Năm 2011 >>** | **Năm 2012 >>** | **Năm 2015 >>** | **Năm 2016 >>** | **Năm 2017 >>** | **Năm 2018 >>** |
| Đầu tư Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai 2 tại khu công nghiệp Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai | PINACO đầu tư đổi mới thiết bị, thay thế dần công nghệ sản xuất cũ lạc hậu bằng công nghệ sản xuất mới, phù hợp với nhu cầu thị trường | Tăng vốn điều lệ từ 269.878.430.000 đồng lên 309.812.930.000 đồng, theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức | Tăng vốn điều lệ từ 309.812.930.000 đồng lên 464.717.070 đồng, theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức | Quy hoạch lại sản xuất ắc quy, sắp xếp 4 xí nghiệp còn 3 xí nghiệp | Mua 8,7 ha tại khu công nghiệp An Phước, tỉnh Đồng Nai |

**1.3. Thành tích đạt được:**



- **Thương hiệu Quốc gia** 4 lần liên tiếp (2012, 2014, 2016, 2018);
- **Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao** 23 năm liền do người tiêu dùng bình chọn (1997 – 2019);
- Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính Phủ (2013, 2014, 2015);
- Cờ Thi đua của Bộ Công thương/ Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp cho công ty (2016, 2017, 2018, 2019), Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai 2 (2014, 2015), Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai (2015, 2019); Xí nghiệp Pin Con Ó (2016);
- Cờ Thi đua của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam cho Xí nghiệp Pin Con Ó (2015), Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai 2 và Chi nhánh Công ty tại Hà Nội (2016), Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai (2017);
- Cờ Thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam do có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh (2014, 2015, 2016, 2018);
- Cờ Thi đua của Công đoàn Công thương Việt Nam do có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh (2017, 2019);
- Huân chương độc lập hạng Nhất (2010), Nhì (2005), Ba (2001);
- **Anh Hùng Lao động thời kỳ đổi mới** (2000);
- Huân chương Lao động hạng Nhất lần 2 (2015), Nhì (2013), Ba (2001, 2003);
- Top 5 Công ty chăm lo tốt nhất cho người lao động do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận (2015);
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" (2019);
- Doanh nghiệp vì người lao động do Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam công nhận (2016);
- Chứng nhận Nhà cung cấp Ưu tiên của Tập đoàn Ford Q1 (2014);
- Nhà cung cấp có cải tiến tốt nhất của HONDA (2014);
- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín (2014);
- **Top 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam** (2017, 2018, 2019);
- Chứng nhận **ISO 14001** cho hệ thống quản lý môi trường (2012);
- Chứng nhận **ISO/IEC 17025** cho hệ thống phòng thí nghiệm (2013);
- Chứng nhận **ISO 9001** – hệ thống quản lý chất lượng (2001);
- Chứng nhận **IATF 16949** – hệ thống quản lý chất lượng dành cho các nhà cung cấp cho ngành công nghiệp ô tô (2011);
- Nhà cung cấp đáng tin cậy (2011);
- Sao Vàng Đất Việt (2009 – 2011);
- Cổ phiếu Vàng (2009);
- TOP 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam (2008);
- Thương hiệu chứng khoán uy tín & công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam (2008);
- Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam (2015, 2016).

### 1.4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### 1.4.1. Ngành nghề kinh doanh

Những hoạt động chính tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Công ty như sau:

- Sản xuất Pin, Ắc quy: Cung cấp đa dạng các chủng loại pin và ắc quy cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Bao gồm các loại Pin Carbon kẽm thông dụng và các loại ắc quy cho nhiều mục đích sử dụng như: Ắc quy khởi động dùng cho xe ô tô, xe máy, tàu thuyền; Ắc quy dân dụng dùng thắp sáng, xe điện và Ắc quy công nghiệp các loại, v.v…
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm Pin, Ắc quy và vật tư, thiết bị cho sản xuất kinh doanh pin, ắc quy.

#### 1.4.2. Sản phẩm tiêu biểu

- Sản phẩm của PINACO đạt tiêu chuẩn chất lượng hàng đầu với công nghệ được chuyển giao từ Châu Âu, Nhật Bản, sản xuất trên các máy móc, thiết bị tiên tiến của Áo, Mỹ, Đức, Anh, Ý, v.v… và hệ thống quản trị tiên tiến, đáp ứng được yêu cầu khắt khe của nhiều khách hàng và các hãng lắp ráp ô tô, xe máy hàng đầu thế giới tại Việt Nam như Ford Vietnam, Thaco, Vietnam Suzuki, Honda, Piaggio, Yamaha, Mercedes – Benz Vietnam, Hyunhdai Thành Công, v.v…




**Pin các loại**
Pin đại R20/UM1/D-Size;
Pin tiểu R6P/UM3/AA;
Pin đũa 03/UM4/AAA;
Pin đũa Alkaline LR6/AM3/AA;
Pin tiểu Alkaline LR03/AM4/AAA

**Ắc quy AGM**
*Ắc quy cao cấp dùng cho các xe hơi đời mới*







**Ắc quy miễn bảo dưỡng (CMF) cho xe ô tô**
*Gồm các chủng loại với dung lượng từ 35 Ah đến 100 Ah*

**Ắc quy Hybrid**
*Các chủng loại với dung lượng từ 32 Ah đến 100 Ah*







**Ắc quy cho xe ô tô – tàu thuyền**
*Các chủng loại với dung lượng từ 100 Ah đến 220 Ah*

**Ắc quy dân dụng**
*Các chủng loại với dung lượng từ 20Ah đến 30Ah*




**Ắc quy khô (VRLA) &**
**Ắc quy truyền thống cho xe gắn máy**






**Ắc quy khô cho**
**xe máy điện, xe đạp điện - UPS**
*Các chủng loại 4.5Ah đến 20Ah*

**Ắc quy công nghiệp**
Ắc quy xe điện, xe golf




### 1.4.3. Địa bàn kinh doanh

**a) Trong nước:**

- Công ty có 01 văn phòng chính tại Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; 02 xí nghiệp sản xuất ắc quy tại tỉnh Đồng Nai và 01 xí nghiệp sản xuất pin đặt tại Tp. Hồ Chí Minh.
- 02 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng; 09 cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại Tp. Cần Thơ, Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Kon Tum, Đà Nẵng, Hà Nam và Hà Nội. Địa bàn kinh doanh phủ khắp toàn quốc.
- Các xí nghiệp sản xuất
  - ✓ 01 Xí nghiệp sản xuất Pin tại Tp HCM.
  - ✓ 02 Xí nghiệp sản xuất Ắc quy tại Đồng Nai.
- Các cửa hàng giới thiệu sản phẩm
  - ✓ 01 tại Cần Thơ
  - ✓ 03 tại Quận 1 và 6 – Tp HCM.
  - ✓ 01 tại Đồng Nai.
  - ✓ 01 tại Kon Tum
  - ✓ 01 tại Đà Nẵng
  - ✓ 01 tại Hà Nam
  - ✓ 01 tại Hà Nội.
- Hệ thống phân phối
  - ✓ Nhà phân phối và đại lý: Hệ thống phân phối của Công ty có 159 Nhà phân phối/Đại lý và trên 10.000 điểm bán bao phủ khắp các tỉnh thành trên toàn quốc. Đội ngũ nhân viên

thường xuyên bám sát thị trường, hỗ trợ nhà phân phối kinh doanh, triển khai các chương trình thúc đẩy tiêu thụ và hỗ trợ việc bảo hành sản phẩm. Hệ thống phân phối chuyên nghiệp hoạt động hiệu quả đã giúp công ty cạnh tranh thắng lợi trên thị trường và phục vụ tốt cho khách hàng. Chính điều này đã tạo nên khác biệt giữa chất lượng phục vụ của PINACO so với các công ty cùng ngành khác trên thị trường.

- ✓ Siêu thị và các cửa hàng: Sản phẩm pin của PINACO có mặt ở các siêu thị, nhà sách, cửa hàng tiện lợi và tiệm tạp hóa trên toàn quốc.

**b) Xuất khẩu:**

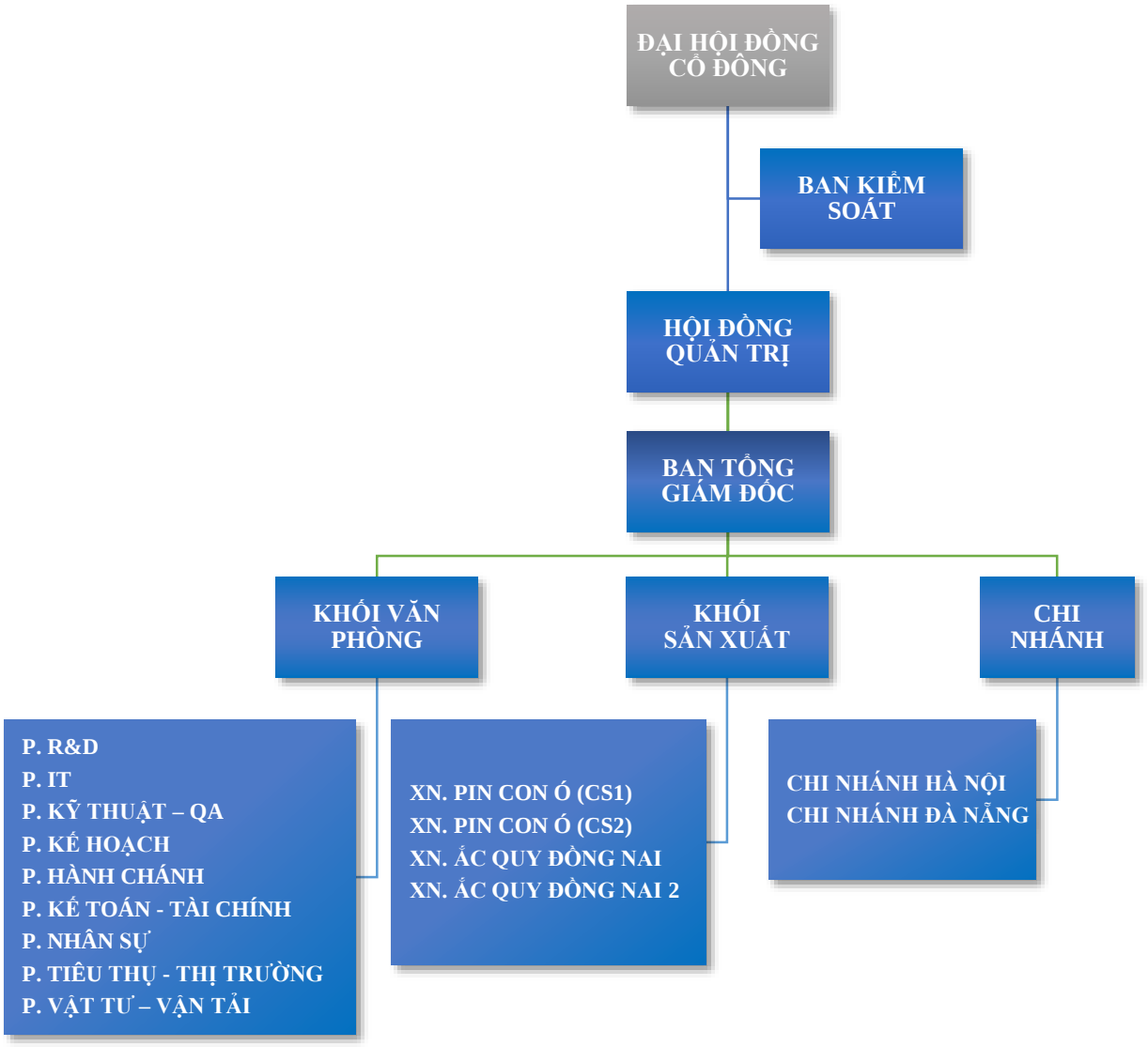
Xuất khẩu đóng góp khoảng 17,54% vào tổng doanh thu của Công ty. Tính đến cuối năm 2019, Công ty xuất khẩu đến 35 quốc gia và vùng lãnh thổ. Công ty duy trì xuất khẩu đi các thị trường truyền thống tại khu vực Trung Đông, các nước Đông Nam Á, Nam Mỹ v.v…

**1.5. Khách hàng tiêu biểu:**

PINACO là đối tác cung cấp ắc quy cho hầu hết các Hãng sản xuất xe gắn máy và ô tô có nhà máy tại Việt Nam như:



## II. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



**Đơn vị trực thuộc**

## CÁC XÍ NGHIỆP

**Xí nghiệp Pin Con Ó**
(Cơ sở 2)

752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, TP. HCM

ĐT: (028) 38 750 556




**Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai**

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

ĐT: (0251) 3 836 116




**Xí nghiệp Pin Con Ó**
(Cơ sở 1)

Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. HCM

ĐT: (028) 37 540 244




**Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2**

Đường N2, KCN Dệt May Nhơn Trạch, Nhơn Trạch, Đồng Nai

ĐT: (0251) 3 569 968



## CÁC CHI NHÁNH

**Chi nhánh Hà Nội**

18 ngõ 44 Đức Giang, P. Thượng Thanh, Q. Long Biên, Hà Nội

ĐT: (024) 36 557 634




**Chi nhánh Đà Nẵng**

348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

ĐT: (0236) 3 649 957




## CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

| | | |
|---|---|---|
| 321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM<br>ĐT: (028) 38 368 529 | 21-23 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM<br>ĐT: (028) 38 293 932 | 752 Hậu Giang, Quận 6, TP. HCM<br>ĐT: (028) 37 516 145 |
| Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai<br>ĐT: (0251) 3 836 116 | 02 Phạm Ngũ Lão, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội<br>ĐT: (024) 38 261 030 | 348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng<br>ĐT: (0236) 3 649 952 |

## TRUNG TÂM BẢO HÀNH

| Khu vực Miền Bắc | Khu vực Miền Trung | Khu vực Miền Nam |
|---|---|---|
| 02 Phạm Ngũ Lão, Q. Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội<br>ĐT: (024) 38 261 030 | 348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng<br>ĐT: (0236) 3 769 055 | Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. HCM<br>ĐT: (028) 3754 1151 |

## III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### 3.1. Chiến lược trung và dài hạn:

#### a) Chiến lược kinh doanh

- Thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt phù hợp với từng thị trường để Công ty và các Nhà phân phối/Đại lý cùng hoàn thành các mục tiêu kinh doanh.
- Không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm, chất lượng phục vụ với mức giá hợp lý để cạnh tranh giữ vững và phát triển thị phần.
- Xây dựng văn hóa kinh doanh: Khách hàng là trung tâm phục vụ.
- Không ngừng nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển các sản phẩm mới, đa dạng để đáp ứng tốt nhất nhu cầu thị trường.
- Tận dụng cơ hội khi các hiệp định tự do thương mại song phương, đa phương giữa Việt Nam với các quốc gia, khu vực trên thế giới có hiệu lực để gia tăng xuất khẩu..

#### b) Chiến lược đầu tư

- Quan tâm đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường cũng như bảo vệ môi trường.
- Chuẩn bị các thủ tục, nguồn vốn để đầu tư xây dựng nhà máy mới tại khu công nghiệp An Phước tỉnh Đồng Nai đáp ứng nhu cầu tăng trưởng cũng như di dời Xí nghiệp ắc quy Đồng Nai tại khu công nghiệp Biên Hòa..

#### c) Chiến lược nguồn nhân lực

- Chăm lo phát triển nguồn nhân lực theo hướng khuyến khích và thu hút người tài và tạo dựng môi trường làm việc công bằng, lành mạnh, đề cao ý thức trách nhiệm, tự giác và hướng tới khách hàng.
- Dựa vào mục tiêu chung của Công ty để xây dựng và giao chỉ tiêu đánh giá kết quả công việc (KPIs) cho từng đơn vị, cá nhân làm cơ sở đánh giá năng lực cũng như có chính sách đãi ngộ cho toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty.
- Áp dụng chính sách trả lương tiên tiến, phù hợp quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ cần thiết đối với người lao động trên cơ sở gắn liền với hiệu quả công việc của từng bộ phận và cá nhân.

### 3.2. Các mục tiêu với môi trường, xã hội và cộng đồng

Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh pin và ắc quy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, môi trường. Để giảm thiểu những rủi ro không mong muốn xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng các yêu cầu của pháp luật về môi trường và phù hợp với định hướng phát triển bền vững, Công ty đã triển khai những giải pháp như sau:

- Luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường như việc kiểm soát phát thải, thu gom, xử lý các chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất và kinh doanh của mình.
- Không ngừng đầu tư và cải tiến liên tục hệ thống trang thiết bị thu gom, xử lý các chất thải từ hoạt động sản xuất; kiểm soát các yếu tố gây ô nhiễm đáp ứng các quy định của pháp luật và ứng dụng nhanh vào công nghệ sản xuất các tiến bộ kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát thải ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe người lao động.
- Duy trì hệ thống quản lý môi trường của Công ty theo tiêu chuẩn ISO 14001, thường xuyên kiểm tra, giám sát tính tuân thủ và hiệu lực của các hệ thống và thường xuyên giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể nhân viên của Công ty.

- Trách nhiệm xã hội là một trong những chính sách quan trọng của quá trình hoạt động và định hướng phát triển bền vững của Công ty trong hiện tại và tương lai. Pinaco là một trong những thành viên tích cực của Hội đồng trách nhiệm xã hội tự nguyện của các doanh nghiệp hoá chất Việt Nam (Vietnam Responsible Care Council − VRCC).
- Công ty luôn cam kết đem đến cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng tốt, an toàn khi sử dụng với giá cả phù hợp để đảm bảo quyền lợi của khách hàng.
- Tăng cường thực hiện các hoạt động xã hội như chia sẻ, giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ bà con nghèo, gia đình chính sách. Đẩy mạnh hoạt động từ thiện, các hoạt động hỗ trợ cho cộng đồng góp phần thúc đẩy xã hội phát triển một cách bền vững.

## IV. CÁC RỦI RO

### 4.1. Rủi ro vĩ mô

- Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã làm ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế thế giới năm 2019. Chiến tranh tôn giáo, sắc tộc chưa chấm dứt, tình hình Trung Đông luôn bất ổn đã ảnh hưởng đến thương mại toàn cầu. Theo báo cáo của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) năm 2019 nền kinh tế Mỹ xuất hiện nhiều biểu hiện xấu. Trong khi đó, nền kinh tế đứng thứ hai thế giới (Trung Quốc) tăng trưởng thấp so với các năm trước đây. Các nước có nền kinh tế phát triển khu vực Châu Âu, Nhật Bản, v.v… cũng có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại. Tuy kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng nhưng xu hướng bảo hộ mậu dịch đang diễn ra khá phổ biến gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của kinh tế thế giới.
- Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều bất ổn thì nền kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến rõ nét và tích cực. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam tiếp tục tăng 7,02% tuy có thấp hơn năm 2018, song với con số này là cao so với tình hình chung của Thế giới. Bên cạnh đó, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với năm 2018. Mặc dù nền kinh tế có sự tăng trưởng, nhưng Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức như thiếu nguồn nhân lực có tay nghề, năng suất lao động thấp, phụ thuộc nhiều vào các doanh nghiệp FDI, thiên tai, dịch bệnh xảy ra thường xuyên.
- Nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn, nước ta tham gia nhiều hiệp định thương mại thế hệ mới với các nước và khu vực. Bên cạnh cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu, công ty phải đối mặt sự cạnh tranh quyết liệt với các sản phẩm cùng loại được nhập khẩu từ các nước phát triển.

### 4.2. Rủi ro lãi suất

- Với tỷ lệ nợ vay ngắn và dài hạn cuối năm 2019 khá cao, chiếm 57,50% trên tổng tài sản, ngoài ra sắp tới nhu cầu đầu tư sẽ rất lớn, do vậy khi có những biến động tăng về lãi suất sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty mà cụ thể là chi phí lãi vay tăng 34,88% so cùng kỳ. Trong năm 2019, lãi suất vay ngắn hạn VND và USD đều tăng 0,5% so với năm 2018. Nguyên nhân do chi phí tài chính đã qua thời kỳ vùng đáy, ngoài ra chiến tranh thương mại Mỹ - Trung cũng là tác nhân làm cho chi phí tài chính tăng lên.
- Ý thức được những tác động của biến động tăng lãi suất, Ban lãnh đạo Công ty đã tăng cường công tác quản trị hàng tồn kho, tích cực trả nợ vay, luôn theo dõi sát diễn biến tình hình tài chính trên thế giới, chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa,… từ đó có các giải pháp phù hợp nhằm giảm thiểu những ảnh hưởng của lãi suất đến tình hình hoạt động của Công ty.

### 4.3. Rủi ro tỷ giá

- Tình hình biến động tỷ giá năm 2019 nhìn chung khá ổn định đã tạo điều kiện tốt cho Công ty. Mặc dù một số nước xung quanh Việt Nam phá giá mạnh đồng tiền của họ trước áp lực chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng quyết liệt. Là một công ty mà phần lớn vật tư, nguyên liệu, thiết bị chính đều nhập khẩu nên biến động tỷ giá sẽ tác động rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Để giảm thiểu những tác động tiêu cực từ biến động của tỷ giá Công ty đã có nhiều biện pháp như theo dõi sát và dự báo tình hình diễn biến của tỷ giá để điều chỉnh chính sách vay usd/vnd phù hợp, mua kỳ hạn để giảm thiểu tác động tiêu cực từ tỷ giá tăng.

### 4.4. Rủi ro nguyên vật liệu

- Nguồn nguyên vật liệu chính phục vụ sản xuất của Công ty là chì và kẽm. Năm 2019, giá chì kẽm bình quân lần lượt là 2.070USD/tấn, 2.548 USD/tấn, tương ứng giảm 7,6% và giảm 12% so với năm 2018. Tuy nhiên, từ tháng 8, nguồn cung sụt giảm nhiều do bị tác động sự cố ngưng nhà máy sản xuất tại Úc, chi phí tăng trong các tháng cuối năm, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất cuối 2019 và đầu 2020. Một số nguyên liệu cho ngành pin phụ thuộc nhà cung cấp Trung Quốc vì giá cạnh tranh, trong khi đó nhà cung cấp trong nước chưa đáp ứng về chất lượng và giá cả cao.
- Để hạn chế rủi ro Công ty đã đang và sẽ tích cực tìm kiếm đa dạng nhà cung cấp, luôn duy trì tối thiểu 2 nhà cung cấp cho một loại vật tư nguyên liệu nhằm tăng tính cạnh tranh và chủ động và bảo đảm an toàn nguồn cung trong sản xuất.

### 4.5. Rủi ro pháp lý

- Hoạt động sản xuất kinh doanh pin, ắc quy chịu ảnh hưởng của Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Xuất Nhập khẩu, Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.v.v. Trong khi đó hệ thống luật pháp Việt Nam đang còn nhiều bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, phức tạp, nếu không nắm bắt, cập nhật kịp thời sẽ dễ dẫn đến những rủi ro pháp lý. Vì vậy, việc phòng ngừa và xử lý rủi ro pháp lý là một vấn đề được Công ty rất quan tâm.
- Để giảm thiểu những rủi ro này Công ty đã lựa chọn, ký hợp đồng với công ty tư vấn luật để được tư vấn kịp thời về các vấn đề phát sinh. Bên cạnh đó, Công ty còn tuyển dụng, bố trí nhân sự chuyên trách công tác pháp chế để kiểm tra, rà soát, đảm bảo các Hợp Đồng, giao dịch của Công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; theo dõi, cập nhật sự thay đổi của các văn bản pháp luật và phổ biến cho các đơn vị, phòng ban trong Công ty.

### 4.6. Rủi ro cạnh tranh

- Trong bối cảnh Việt Nam đang thực hiện các hiệp định thương mại đã ký trước đây. Điển hình như Hiệp định ATIGA, hiệp định FTA thế hệ mới, hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) sẽ khiến cho sự cạnh tranh từ các sản phẩm nhập ngoại ngày càng gay gắt hơn. Đối với công ty là sự cạnh tranh từ các thương hiệu đến từ những nước có thế mạnh trong ngành như Nhật bản, Hàn Quốc, Đài loan và các nước ASEAN.v.v.
- Để duy trì khả năng cạnh tranh và phát triển ổn định, trong những năm qua Công ty đã luôn quan tâm đầu tư, đổi mới thiết bị, đón đầu xu thế. Hầu hết các thiết bị sản xuất đều được lựa chọn từ các nhà cung cấp hàng đầu thế giới ở các nước G7. Với nền tảng công nghệ tích lũy trên 44 năm và các công nghệ mới chuyển giao từ Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc giúp Công ty có thể nâng cao được chất lượng sản phẩm của mình, tạo ra những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và cũng dựa vào đó để Công ty có thể giữ vững vị thế của mình trên thị trường pin, ắc quy.

### 4.7. Rủi ro sản phẩm thay thế

- Thu nhập của người dân ngày càng tăng dẫn đến nhu cầu sử dụng cũng thay đổi. Người tiêu dùng luôn ưu tiên tìm mua những sản phẩm chất lượng. Hơn nữa, công nghệ pin ắc quy đang thay đổi khá nhanh với sự xuất hiện nhiều công nghệ mới: Pin sạc, pin nhiên liệu, ắc quy Lithium-Ion,… một số thiết bị đã thay thế sản phẩm của PINACO ở một vài phân khúc nhất định như: xe đạp điện, xe ô tô điện,…có một số sử dụng ắc quy Li-ion.
- Đối với sản phẩm pin:
    - Pin Carbon kẽm công ty đang sản xuất thuộc nhóm sản phẩm công nghệ cũ, tốc độ tăng trưởng đang chậm dần, đặc biệt nhu cầu pin đại (R20, D-size) đang suy giảm mạnh và

sẽ chấm dứt vòng đời trong tương lai gần… Nhưng các loại pin tiểu (R6, AA-Size) và pin đũa (R03, AAA-Size) vẫn rất phổ biến và tiếp tục tăng trưởng trong những năm gần đây.

  - Chi phí sản xuất lớn, dẫn đến giá thành cao hơn so với đối thủ cạnh tranh.

- Đối với sản phẩm ắc quy:
  - Ắc quy chì acid cũng dần bị thay thế bởi các loại ắc quy công nghệ mới hơn. Tuy nhiên, nhu cầu sử dụng ắc quy chì acid vẫn rất cao do lượng phương tiện sử dụng ắc quy này vẫn đang tiếp tục tăng mạnh trong tương lai 3-5 năm tới và do có giá thành thấp và khả năng thu hồi, tái chế cao.
  - Các đơn vị lắp ráp ô tô – xe máy (OEM) ưu tiên các nhà sản xuất ắc quy cùng quốc gia.
- Để đối phó với rủi ro sản phẩm thay thế, Công ty đang đầu tư mạnh cho hoạt động R&D, tìm kiếm đối tác hợp tác nghiên cứu và tích cực tìm kiếm các công nghệ mới thay thế công nghệ hiện hữu để có thể đầu tư phát triển trong tương lai.

### 4.8. Rủi ro với môi trường

- Quá trình công nghiệp hóa đất nước kéo theo nguy cơ ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng. Chính phủ Việt Nam đang siết chặt các chính sách bảo vệ môi trường, cũng như tăng cường kiểm tra xử phạt các vi phạm về môi trường của các nhà máy gây ô nhiễm để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.
- Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất pin, ắc quy có quy trình sản xuất, nguyên liệu có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến môi trường. Tuy nhiên trong những năm qua Công ty luôn tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về môi trường: đầu tư hệ thống thu gom, xử lý chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất, tuân thủ các quy định về quản lý, tồn trữ, xử lý chất thải nguy hại và triển khai hệ thống thu gom sản phẩm thải bỏ sau quá trình sử dụng ngoài thị trường. Công ty cũng rất chú trọng công tác giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên trong Công ty.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

*1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

*2. Tổ chức nhân sự và chính sách đối với người lao động*

*3. Tình hình tài chính*

*4. Cơ cấu cổ đông*



## I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2019

- Năm 2019, tình hình kinh tế thế giới có nhiều chuyển biến phức tạp, khó lường, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã làm cho thương mại toàn cầu bị ảnh hưởng. Đối với Việt nam, những đổi mới chính sách, môi trường kinh doanh của Chính Phủ đã tạo động lực phát triển mạnh mẽ, GDP đạt 7,02% vượt kế hoạch do Quốc hội đề ra từ đầu năm, chỉ số giá tiêu dùng chỉ tăng 2,79% thấp hơn chỉ tiêu 4% Quốc hội đề ra.
- Trong năm 2019 vẫn còn xảy ra tình trạng thiếu một số chủng loại ắc quy, đã làm ảnh hưởng đến tăng doanh thu và lợi nhuận cũng như thị phần. Xu hướng chuyển dịch của khách hàng từ bình ắc quy MF sang bình ắc quy CMF đã rõ ràng. Trong khi đó năng lực sản xuất bình CMF của Công ty còn hạn chế, không đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Trong năm qua Công ty đã triển khai liên tục, đa dạng các chương trình khuyến mãi, marketing để thúc đẩy tiêu thụ, duy trì thị phần. Điều chỉnh linh hoạt chính sách bán hàng mang lại hiệu quả cao nhất. Quý 4 năm 2019 Công ty mở chiến dịch quảng bá thương hiệu thông qua tài trợ bạch kim cho Sea Games 30. Kết quả thu được vô cùng to lớn, hiệu ứng lan tỏa lớn không chỉ ở Việt Nam mà còn tại các nước trong khối ASEAN, tạo tiền đề, bàn đạp quan trọng trong chiến dịch xâm nhập sâu hơn thị trường ASEAN.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty như sau:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2018 | Kế hoạch 2019 | Thực hiện 2019 | TH 2019/ TH 2018 | TH 2019/ KH 2019 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 3.274 | 3.400 | 3.541 | 108,2% | 104,2% |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 211 | 182 | 212 | 100,4% | 116,5% |
| Cổ tức | % | 20 | >=15 | 20 (*) | 100,0% | 133,3% |

*(*) Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt tương ứng 15% vào ngày 25/12/2019.*

- Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 212 tỷ đồng, tăng 16,5% so với kế hoạch và tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do điều chỉnh số liệu 2018 theo Kiểm toán Nhà nước, giá cả vật tư chính đầu vào giảm và công ty đã tăng cường công tác quản trị để tiết giảm chi phí.

## II. TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### i. Ban điều hành:

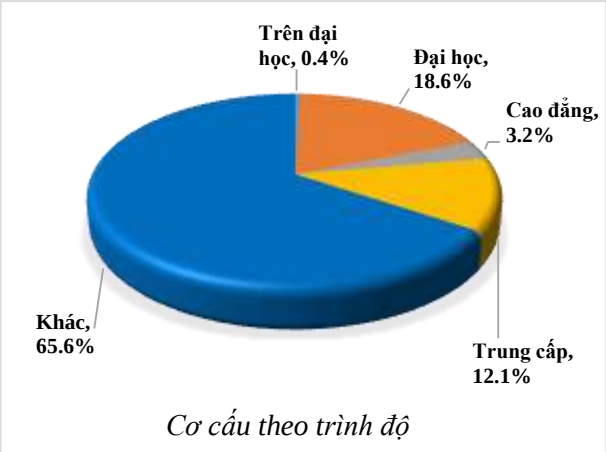
| | | |
|---|---|---|
| **Ông ĐÀO NGỌC MINH TIẾN**<br><br>- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Bán hàng–Thị trường<br>- Sinh năm: 1961<br>- Quê quán: TP. Hồ Chí Minh<br>- Trình độ Chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân kinh tế<br>- Lý luận chính trị: Trung cấp chính trị<br>- Số cổ phần nắm giữ: 9 cổ phần | | **Ông NGUYỄN DUY HƯNG**<br><br>- Chức vụ: Kế toán trưởng<br>- Sinh năm: 1973<br>- Quê quán: Hà Tĩnh<br>- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế<br>- Lý luận chính trị: Cao cấp chính trị<br>- Số cổ phần nắm giữ: 852 cổ phần |

| | | |
|---|---|---|
| | **Ông TRẦN THANH VĂN**<br><br>- Chức vụ: Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT kiêm Bí thư Đảng ủy.<br>- Sinh năm: 1960.<br>- Quê quán: Bến Tre.<br>- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí – Thạc sĩ Kinh tế.<br>- Lý luận chính trị: Cao cấp chính trị.<br>- Số cổ phần nắm giữ: 41.345 cổ phần. | |
| **Ông LÊ VĂN NĂM**<br><br>- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật – Sản xuất<br>- Sinh năm: 1967<br>- Quê quán: Đồng Tháp<br>- Trình độ Chuyên môn: Kỹ sư hóa<br>- Lý luận chính trị: Cao cấp chính trị<br>- Số cổ phần nắm giữ: 3.577 cổ phần | | **Ông CAO TRỌNG MIÊN**<br><br>- Chức vụ: Trợ lý Tổng Giám đốc phụ trách Đầu tư – Nghiên cứu phát triển/ Trưởng phòng R&D.<br>- Sinh năm: 1968<br>- Quê quán: Thừa Thiên Huế<br>- Trình độ Chuyên môn: Cử nhân hóa<br>- Số cổ phần nắm giữ: 2.835 cổ phần |

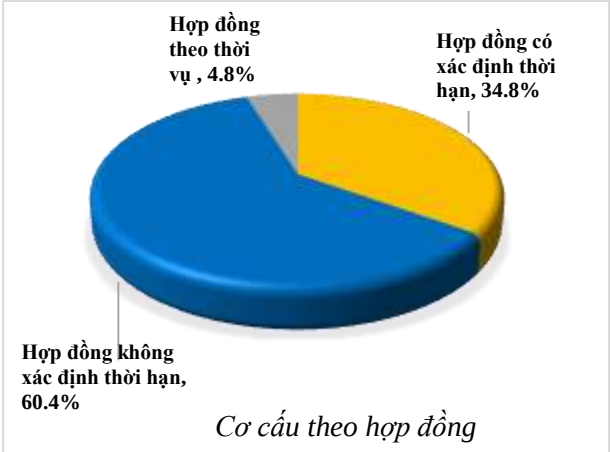
### ii. Chính sách đối với người lao động trong Công ty

Cơ cấu người lao động của Công ty năm 2019:

| STT | Tính chất phân loại | Số lượng | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| **A** | **Theo trình độ** | **1.179** | **100%** |
| 1 | Trên Đại học | 5 | 0,4% |
| 2 | Đại học | 219 | 18,6% |
| 3 | Cao đẳng | 38 | 3,2% |
| 4 | Trung cấp | 143 | 12,1% |
| 5 | Khác | 774 | 65,7% |
| **B** | **Theo tính chất hợp đồng lao động** | **1.179** | **100%** |
| 1 | Hợp đồng có xác định thời hạn | 410 | 34,8% |
| 2 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 712 | 60,4% |
| 3 | Hợp đồng theo thời vụ (công nhật) | 57 | 4,8% |




*Cơ cấu theo trình độ*




*Cơ cấu theo hợp đồng*

**Công tác Nhân sự - Tiền lương**

- Rà soát điều chỉnh, bổ sung quy chế tổ chức cán bộ phù hợp với quy định và đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng nguồn nhân lực trong toàn công ty đáp ứng sự phát triển bền vững trong tương lai. Tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo, chủ động cho từng cá nhân, bộ phận.Xây dựng và giao chỉ tiêu về chi phí, giá thành trên từng sản phẩm, tích hợp "Mục tiêu chất lượng" và hệ thống KPIs cho các đơn vị để đánh giá mức độ hoàn thành công việc và có chính sách trả lương thưởng và có chế độ đãi ngộ phù hợp nhằm khuyến khích tăng năng suất lao động.
- Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Thực hiện mua Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm tai nạn 24/24, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, Bảo hiểm nhân thọ cho toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty để tăng cường sự gắn bó lâu dài với Công ty. Ngoài ra Công ty cũng quan tâm đến cán bộ nhân viên hưu trí; luôn có một khoản trợ cấp cho những nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ giúp đỡ các viện dưỡng lão, những nơi nuôi dưỡng trẻ em mồ côi khuyết tật, v.v…nhằm giáo dục cho CBCNLĐ truyền thống 'uống nước nhớ nguồn' và trách nhiệm với cộng đồng xã hội.
- Công ty cũng đã thưởng cổ phiếu PAC cho toàn thể CB.CNLĐ từ nguồn khen thưởng và phúc lợi nhằm phát huy tiếng nói và quyền lợi cổ đông trong công ty.
- Trong năm 2019 Công ty đã tiếp tục duy trì các phong trào thi đua tiết kiệm vật tư, chi phí, Văn phòng khang trang lịch sự, hội thao, v.v… Bên cạnh đó, Công ty cũng tổ chức các phong trào thi đua về doanh số bán hàng cho các cán bộ nhân viên nhằm nâng cao sản lượng bán hàng của Công ty.

## III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### i. Các chỉ tiêu tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | So sánh |
|---|---|---|---|
| Tổng giá trị tài sản | 2.289.893.589.026 | 2.482.744.397.743 | 108,4% |
| Tổng doanh thu | 3.273.582.660.916 | 3.541.175.254.529 | 108,2% |
| Doanh thu thuần | 3.039.303.891.206 | 3.078.986.795.154 | 101,3% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 209.959.139.468 | 206.145.904.217 | 98,2% |
| Lợi nhuận khác | 1.204.001.750 | 5.835.198.133 | 484,7% |
| Lợi nhuận trước thuế | 211.163.141.218 | 211.981.102.350 | 100,4% |
| Lợi nhuận sau thuế | 168.966.281.523 | 166.694.946.427 | 98,7% |
| Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá | 20% | (*) 20% | 100,0% |

*Ghi chú: (*): Đã chi trả tiền mặt 15%, dự kiến chia thêm 5% và chờ ĐHĐCĐ thông qua.*

Tính đến cuối năm 2019, tổng giá trị tài sản của Công ty đạt 2.482 tỷ đồng, tăng 8,4% so với năm 2018. Nguyên nhân tổng tài sản tăng chủ yếu ở tài sản ngắn hạn : tiền và tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho. Trong năm 2019 Công ty tăng cường cũng cố năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Mặt khác, nắm bắt được những thách thức của thị trường trong năm 2019, Công ty đã linh động trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất điều chỉnh số lượng sản xuất của từng dòng sản phẩm sao cho phù hợp với tình hình thị trường. Tập trung sản xuất các mặt hàng thị trường cần. Công ty ban hành các chính sách bán hàng linh hoạt, dành ngân sách thích đáng cho quảng bá thương hiệu trong và ngoài nước, nâng cao hình ảnh và vị thế của Công ty trên thị trường. Với các chính sách nêu trên năm 2019 doanh thu tăng 8,2% so cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế tăng 0,4% so cùng kỳ.

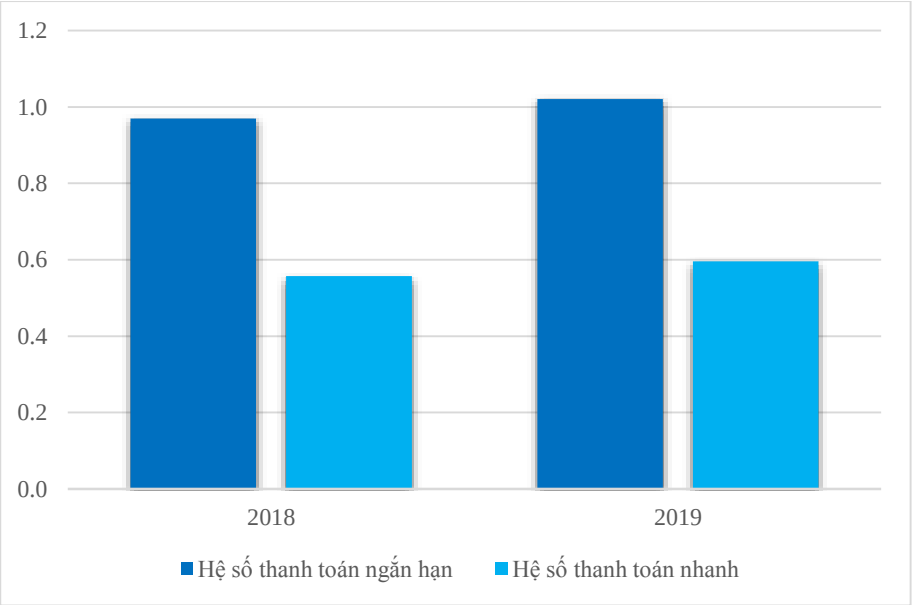
Nhìn chung, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua đều được duy trì ổn định, bên cạnh những chính sách đúng đắn, phù hợp với tình hình thị trường, kế hoạch hoạt động linh hoạt của Ban lãnh đạo còn là sự đóng góp và làm việc hết mình của toàn thể đội ngũ cán bộ công nhân viên của PINACO, đã góp phần mang đến tiềm năng và cơ hội cho sự phát triển bền vững của Công ty cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam trong hiện tại và tương lai.

### ii. Các hệ số tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2018 | Năm 2019 |
|---|---|---|---|
| **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn) | Lần | 0,97 | 1,02 |
| Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn) | Lần | 0,56 | 0,60 |
| **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 0,73 | 0,73 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 2,75 | 2,71 |
| **Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động** | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho *(Giá vốn hàng bán/HTK bình quân)* | Vòng | 3,89 | 3,72 |
| Vòng quay tổng tài sản *(Doanh thu thuần/Tổng TS bình quân)* | Vòng | 1,49 | 1,29 |
| **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** | | | |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 5,56 | 5,41 |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 26,38 | 26,06 |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân | % | 8,30 | 6,99 |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 6,91 | 6,70 |

**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**

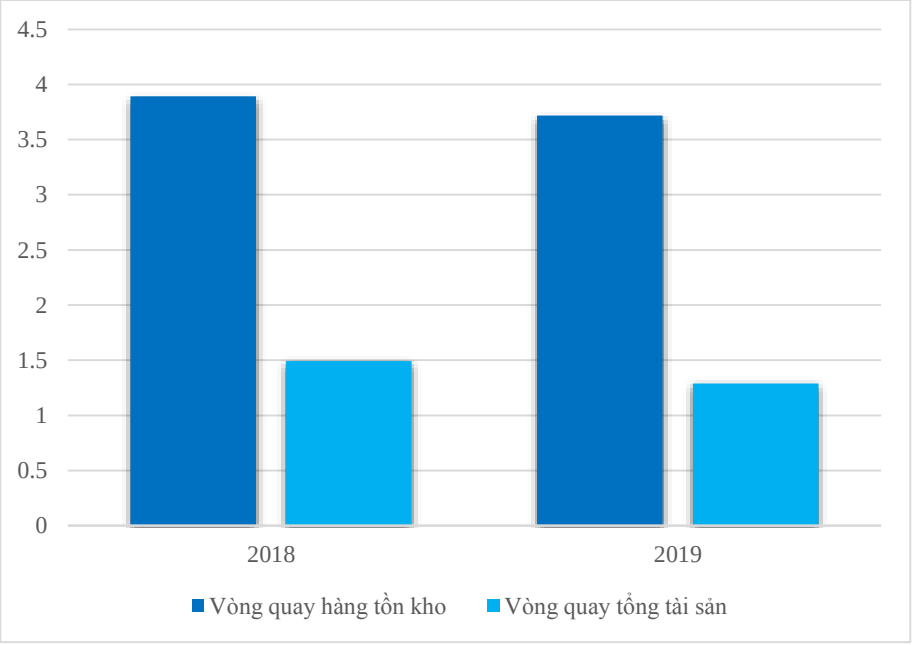
Trong năm 2019, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2018, cụ thể Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,97 lần lên 1,02 lần. Nguyên nhân chính là do trong năm 2019 Công ty quản trị dòng tiền hiệu quả, có khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương tiền tăng so với cùng kỳ.




**Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động**

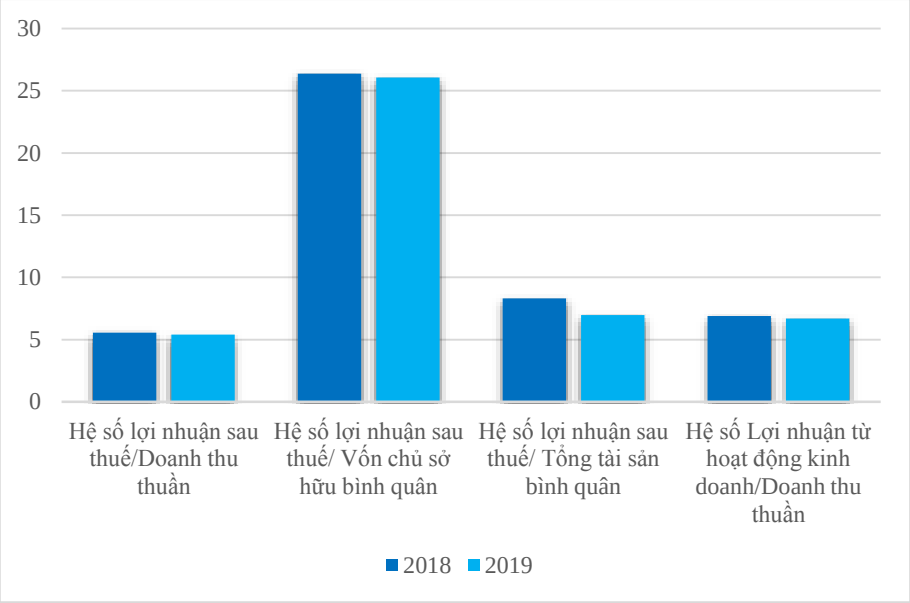
Trong năm 2019, chỉ tiêu Vòng quay hàng tồn kho của Công ty giảm nhẹ từ 3,89 vòng xuống 3,72 vòng tương đương giảm 4,52% so với cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân giảm là do năm 2018 điều chỉnh một số chỉ tiêu tài chính theo Kiểm toán Nhà nước.

Chỉ tiêu Vòng quay Tổng tài sản trong năm 2019 của Công ty đã giảm nhẹ từ 1,49 vòng xuống còn 1,29 vòng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do tốc độ tăng trưởng của Tổng tài sản bình quân cao hơn tốc độ tăng trưởng của Doanh thu thuần, cụ thể là tăng trưởng chính nằm ở tài sản ngắn hạn.



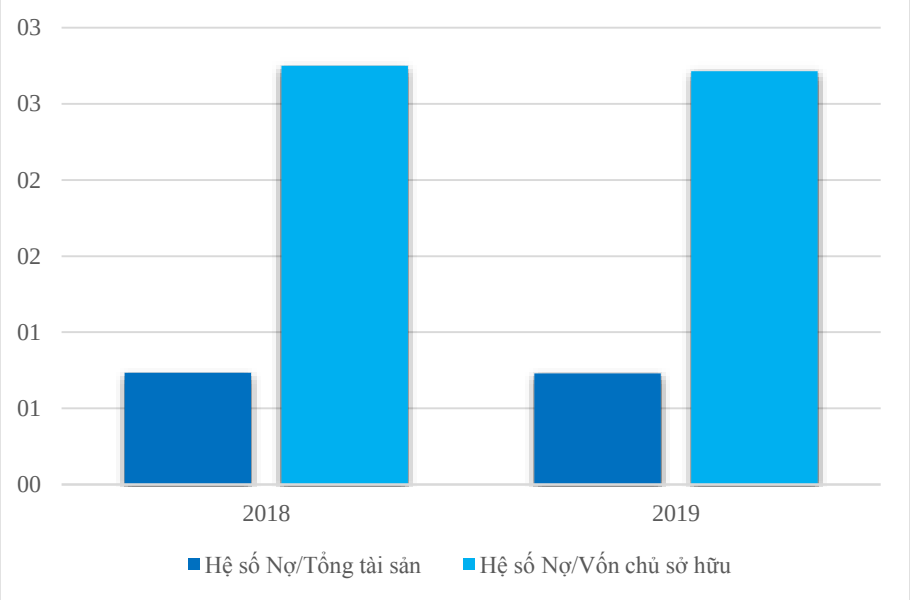

**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**

Nhìn chung, các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2019 có giảm nhẹ, nguyên nhân chính là do Công ty đã tăng cường công tác bán hàng, tăng chiết khấu để tăng doanh thu. Ngoài ra, chi phí lãi vay phục vụ đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh tăng cũng làm cho tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế năm 2019 tăng chậm so với cùng kỳ. Ngoài ra số liệu năm 2018 đã điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước.




**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**

Các chỉ số về cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2019 so năm 2018 có cải thiện, cụ thể Hệ số Nợ/Tổng tài sản năm 2018, 2019 không thay đổi, Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm nhẹ từ 275% xuống 271%. Nguyên nhân chủ yếu là do tăng trích quỹ đầu tư phát triển theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông từ 10% lên 30%, chính sách chia cổ tức vừa phải và kết quả sản xuất kinh doanh tích cực.




## IV. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

### i. Thông tin cổ phần

- Tổng số cổ phần phát hành: **46.471.707** cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: **0** cổ phần
- Cổ phiếu đang lưu hành: **46.471.707** cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: **10.000** đồng/cổ phần

### ii. Cơ cấu cổ đông

| Loại cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng (cổ phiếu) | % vốn điều lệ |
|---|---|---|---|
| **Tổng cộng** | **1.623** | **46.471.707** | **100%** |
| **Cổ đông trong nước** | **1.411** | **34.853.312** | **75,0%** |
| Tổ chức | 34 | 27.343.428 | 58,8% |
| Cá nhân | 1.377 | 7.509.884 | 16,2% |
| **Cổ đông nước ngoài** | **212** | **11.618.395** | **25,0%** |
| Tổ chức | 37 | 11.202.319 | 24,1% |
| Cá nhân | 175 | 416.076 | 0,9% |

### iii. Danh sách cổ đông lớn

| STT | Tên cổ đông | Số lượng (cổ phiếu) | Giá trị theo mệnh giá (đồng) | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM | 23.898.273 | 238.982.730.000 | 51,4% |
| 2 | THE FURUKAWA BATTERY CO. LTD. | 4.899.708 | 48.997.080.000 | 10,5% |

### iv. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

Trong năm 2019 vốn chủ sở hữu của Công ty tăng thêm 57,6 tỷ đồng so cùng kỳ năm trước, trong đó Quỹ đầu tư phát triển tăng 47,4 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 10,2 tỷ đồng.

# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

*1. Bảo vệ môn trường*
*2. Quản trị đầu vào trong quá trình sản xuất*
*3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*
*4. Chính sách bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội*



## I. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Ô nhiễm môi trường là một vấn đề nóng trên toàn cầu. Hiện nay, môi trường toàn cầu đang bị đe dọa trầm trọng, vì tình hình thế giới ngày càng phát triển, các nhà máy, công trình mỗi ngày thải ra ngoài môi trường rất nhiều chất thải như: khí thải, chất thải nguy hại, nước thải,… dẫn đến môi trường bị ô nhiễm nặng. Do đó việc bảo vệ môi trường là nhiệm vụ cấp thiết hiện nay.
- Bên cạnh đó, nguyên liệu sản xuất chính của Công ty là chì, kẽm và nhựa. Trong khi, chì lại là chất gây ô nhiễm nặng nề nhất, nguyên nhân là chì rất độc, nhựa là chất khó phân hủy, gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Hiểu rõ được điều này nên trong những năm qua Công ty đã triển khai nhiều biện pháp quản lý môi trường như : Áp dụng và đạt chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, tổ chức đánh giá tác động môi trường và được phê duyệt của các cơ quản lý chức năng trước khi triển khai dự án. Đầu tư các hệ thống xử lý bụi - khí thải đạt quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2009, hệ thống xử lý nước thải hiện đại đạt quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp QCVN 40:2011.
- Về chấp hành quyết định số 16/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc thu hồi sản phẩm thải bỏ, PINACO đã nghiêm túc chấp hành và đã triển khai được 05 điểm thu hồi sản phẩm Pin và Ắc quy thải bỏ tại các khu vực thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh.
- Về triển khai việc thu hồi sản phẩm Pin và ắc quy thải bỏ Về quản lý chất thải rắn – chất thải nguy hại công ty đã tổ chức triển khai phân loại chất thải tại nguồn, kho chất thải tập trung riêng biệt như kho chứa chất thải sinh hoạt, chất rắn thông thường; chất thải nguy hại. Đã ký hợp đồng chuyển giao – xử lý tái chế với các công ty có chức năng, thực hiện giám sát chất lượng môi trường và báo cáo giám sát môi trường với các cơ quan quản lý về môi trường đúng như cam kết của đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Từ đó hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

## II. QUẢN TRỊ ĐẦU VÀO TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

### i) Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Bất kỳ một doanh nghiệp sản xuất nào, nguồn nguyên vật liệu là yếu tố quyết định đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, trong môi trường cạnh tranh như hiện nay, để có thể giữ vững vị thế của mình, Công ty thường xuyên thay đổi mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm trong khi vẫn đảm bảo giá bán thì việc quản lý sử dụng nguồn nguyên vật liệu một cách hiệu quả là một việc làm cấp thiết.
- Năm 2019, Công ty đã thực hiện các chính sách nhằm tiết kiệm nguồn nguyên liệu trong khâu sản xuất nhằm giảm giá thành sản phẩm. Tổng lượng nguyên liệu mà Công ty tiêu thụ trong năm cụ thể như sau:

| STT | Tên NVL | ĐVT | Tổng cộng |
|---|---|---|---|
| 1 | Chì | tấn | 27.269 |
| 2 | Acid Sulfuric | tấn | 4.684 |
| 3 | Điện | Kwh | 32.071.288 |
| 4 | Nước | $m^3$ | 324.484 |
| 5 | Gas(lít) | L | 2.019.888 |
| 6 | Kẽm | tấn | 1.487 |

- Công tác thu hồi chì, kẽm phế liệu được tiếp tục triển khai ở tất cả các xí nghiệp của Công ty trong năm 2019. Chì phế liệu trong quá trình sản xuất được thu gom lại và giao cho một đơn vị gia công tái chế lại để đưa lại vào sản xuất.

- Năm qua, khối lượng nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm đạt 909.471 kg. Cụ thể:

| STT | Xí nghiệp | ĐVT | Khối lượng chì thu hồi trong năm |
|---|---|---|---|
| 1 | Đồng Nai | Kg | 309.166 |
| 2 | Đồng Nai 2 | Kg | 600.305 |
| | **Tổng cộng** | | **909.471** |
| **Tổng NVL xuất SX (chì, kẽm)** | | Kg | **28.755.790** |

**ii) Tiêu thụ năng lượng**

- Năng lượng đóng vai trò quan trọng trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa, cùng với đó việc phát triển kinh tế xã hội thì nhu cầu sử dụng năng lượng sẽ có xu hướng tăng. Bên cạnh đó, việc sử dụng không hợp lý đã gây ra tình trạng cạn kiệt nguồn nguyên liệu hóa thạch, dẫn đến những tác động tiêu cực cho hệ sinh thái. Đồng thời, tình trạng khan hiếm nguyên liệu này ngày càng tăng tác động đến giá có xu hướng tăng cao trong những năm gần đây. Ngoài ra, với nguồn năng lượng hóa thạch, ngành công nghiệp điện đã thải lượng lớn khí cacbon ra môi trường gây ra hiện tượng hiệu ứng nhà kính, biến đổi khí hậu, v.v… làm ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tăng trưởng, phát triển bền vững của nền kinh tế trong và ngoài nước. Nhận thức được tầm ảnh hưởng của việc sử dụng năng lượng đến mọi mặt của mỗi quốc gia, Chính phủ Việt Nam đã đưa ra nhiều chính sách phù hợp với tình hình nhằm tiết kiệm nguồn năng lượng tối đa, đồng thời sử dụng năng lượng hiệu quả nhất.
- Với vị thế là doanh nghiệp đứng đầu ngành sản xuất pin, ắc quy trong nước nên trong năm qua Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp để tiết kiệm nguồn năng lượng sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

**iii) Lượng điện, nước và gas mà Công ty tiết giảm được trong năm:**

| Chỉ tiêu | Đvt | Tỷ lệ % | Số lượng |
|---|---|---|---|
| Điện | Kwh | 1,1% | 366.238 |
| Gas | Lít | 4,4% | 9.257 |
| Nước | $m^3$ | 0,6% | 1.720 |

**iv) Tiêu thụ nước**

- Nước là thành phần không thể thiếu trong đời sống của con người, là một phần quan trọng của quá trình vận hành hoạt động của nền kinh tế. Tuy nhiên, hiện nay nhiều nơi đang tiêu thụ nước một cách lãng phí, đồng thời tình trạng nước chưa qua xử lý xả thải thẳng ra môi trường cũng đang là vấn đề được Nhà nước quan tâm. Do đó, nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ nguồn nước và để có thể sử dụng một cách tiết kiệm, hợp lý là một bài toán được chú trọng hiện nay. Công ty đã đưa ra những biện pháp hợp lý, tái sử dụng nguồn nước cho các mục đích khác nhau như dùng nước thải đã qua xử lý tưới cây, rửa sàn nhà,… Đồng thời Công ty tích cực tuyên truyền và khuyến khích mỗi người lao động cần phải tự ý thức được tầm quan trọng của nguồn nước và sử dụng nguồn nước một cách hợp lý để bảo vệ cuộc sống của chính mình.

- Năm qua, lượng nước thủy cục sử dụng tại các Xí nghiệp của Công ty như sau:

| Xí nghiệp | Nguồn cung cấp | Lượng sử dụng ($m^3$) | |
|---|---|---|---|
| | | Năm 2018 | Năm 2019 |
| Đồng Nai | Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai | 170.692 | 163.171 |
| Đồng Nai 2 | Công ty CP Đầu tư Vinatex- Tân tạo | 142.333 | 149.758 |
| Pin Con Ó | Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn | 4.249 | 11.555 |
| **Tổng cộng** | | **317.274** | **324.484** |

- Tổng lượng nước thủy cục tái chế và tái sử dụng trong năm

| Nội dung | ĐVT | Năm 2018 | Năm 2019 |
|---|---|---|---|
| Sử dụng nước thủy cục sau xử lý nước thải để rửa nền khu vực hoá thành | $m^3$ | 4.300 | 5.250 |
| Lắp hệ thống hoàn lưu nước thủy cục tưới trục cán trát cao | $m^3$ | 500 | 635 |
| **Tổng cộng** | **$m^3$** | **4.800** | **5.885** |

## III. TUÂN THỦ VỀ PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG

- Năm 2019, Công ty đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các các quy định về công tác bảo vệ môi trường, Văn phòng công ty và 02 xí nghiệp sản xuất ắc quy của Công ty được tổ chức NQA CERTIFCATION LIMITED cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001: 2015. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục sử dung hệ thống quản lý môi trường ISO 14001: 2015 tại các đơn vị thành viên, Công ty không bị xử phạt vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.
- Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam cam kết:
  - Tuân thủ pháp luật, các quy định và yêu cầu khác về môi trường có liên quan.
  - Thiết lập, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lí môi trường phù hợp nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường.
  - Truyền đạt chính sách môi trường đến mọi nhân viên, các nhà thầu và các bên liên quan nhằm đảm bảo sự tham gia của mọi người.

## IV. CHÍNH SÁCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

### i) Chính sách bảo vệ môi trường

- Củng cố bộ máy làm công tác bảo vệ môi trường trong đơn vị tinh gọn, hiệu quả.
- Thành lập ban môi trường từ Công ty đến các xí nghiệp thành viên. Trong ban có phân công trưởng ban và thường trực môi trường dưới sự quản lý trực tiếp của Ban lãnh đạo Công ty và Xí nghiệp. Đầu tư kinh phí thỏa đáng để nâng cấp các thiết bị xử lý nước thải, khi và tiến ồn, năm 2019 đã chi 11.662.744.392 đồng để thực hiện chính sách bảo vệ môi trường.
- Công ty đã nâng cao việc kiểm soát môi trường nhờ vào việc giảm thiểu chất thải ngay từ nguồn thải, thu gom, phân loại, lưu giữ theo qui định của Bộ Tài Nguyên Môi Trường và chỉ chuyển giao chất thải cho các Công ty thu gom, vận chuyển, xử lý, tiêu huỷ chất thải có chức năng được luật pháp cho phép. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ nhân viên Công ty.

- Định kỳ Công ty kiểm tra, đánh giá lại việc hoàn thành các mục tiêu môi trường đã đề ra cũng như đặt ra mục tiêu khác cao hơn nhằm cải thiện môi trường tốt hơn.

**ii) Các chỉ tiêu về môi trường**

- *Đối với nước thải:* Tất cả các xí nghiệp của công ty đều có đầu tư hệ thống xử lý nước thải 24/24, tất cả nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt thải ra đều được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép: Quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp QCVN 40:2011 trước khi thải ra môi trường bên ngoài hoặc thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Nước thải sau xử lý tại Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai và Xí nghiệp thành viên được tái sử dụng lại, góp phần tiết kiệm nước sử dụng và giảm thiểu tác động môi trường và sử dụng nguồn tài nguyên môi trường (lượng nước tái sử dụng: 40 m3/ ngày).
- *Đối với bụi - khí thải*: Tất cả các xí nghiệp của công ty đều có đầu tư hệ thống xử lý bụi, khí thải, tất cả các nơi có phát sinh bụi, hơi khí độc thải, cụ thể như: hệ thống xử lý hơi axit tại các phân xưởng hóa thành của các xí nghiệp sản xuất ắc quy, các hệ thống xử lý bụi, khí độc thải ra từ các nồi nấu chì, kẽm, cưa cắt thẻ, lắp ráp, v.v … điều đạt Quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp, QCVN 19:2009.
- *Đối với chất thải rắn – Chất thải nguy hại:* đầu tư các kho lưu chứa tạm đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên và môi trường. Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom tái chế và đưa về lại để sử dụng. Cụ thể là xỉ kẽm, xỉ chì, phế liệu chì.
- *Đối với chất thải sinh hoạt*: ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển và xử lý.
- Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững với các hoạt động thân thiện với môi trường.

**iii) Chính sách liên quan đến người lao động**

- Tính đến thời điểm 31/12/2019, Công ty có 1.179 lao động.
- Công ty thành lập hội đồng An toàn vệ sinh lao động để chỉ đạo, kiểm tra giám sát công tác an toàn vệ sinh lao động trong toàn công ty theo Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015.
- Công ty xây dựng và thực hiện nghiêm Thỏa ước lao động tập thể công ty trình Sở lao động Thương bình và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt với nhiều điều khoản có lợi cho người lao động như: Tổ chức bồi dưỡng độc hại và khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp, mua bảo hiểm tai nạn 24/24, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động,… đúng theo quy định của Nhà nước. Hàng năm tổ chức cho người lao động đi nghỉ mát để tái tạo sức lao động, Chính quyền và Công đoàn thường xuyên tổ chức các hoạt động để chăm lo đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên: hội thi nấu ăn, hội thao, hội diễn văn nghệ quần chúng, ...

**iv) Chính sách đào tạo**

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Giá trị |
|---|---|---|
| **Gián tiếp** | | |
| Tổng số lượt người gián tiếp được đào tạo | người | 145 |
| Tổng số giờ đào tạo | giờ | 2.058 |
| Trung bình | giờ/người/năm | 14,2 |
| **Trực tiếp** | | |
| Tổng số người đào tạo | người | 521 |
| Tổng số giờ đào tạo | giờ | 4.580 |
| Trung bình | giờ/người/năm | 8,8 |
| **Cấp quản lý** | | |
| Số cán bộ quản lý | người | 9 |
| Số giờ đào tạo | giờ | 284 |
| Trung bình | giờ/người/năm | 31,6 |
| **Bình quân chung** | **giờ/người/năm** | **10,3** |

**v) Trách nhiệm xã hội**

- Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn quan tâm đến đời sống của cán bộ nhân viên Công ty, và những cán bộ làm việc lại Công ty nhưng đã nghỉ hưu. Cụ thể là Công ty đã trợ cấp cho các cán bộ hưu trí co hoàn cảnh khó khăn, tặng quà cho cán bộ công nhân lao động hưu trí có huân chương nhân dịp 2/9. Tặng quà mừng thọ cho các cụ là cha, mẹ đẻ của cán bộ công nhân lao động đến đúng tuổi 80, 85 và 90 tuổi trở lên vào dịp Tết. Trợ cấp cho công nhân lao động bị bệnh nằm viện dài ngày, có hoàn cảnh khó khăn. Tặng quà cho các cháu thiếu nhi nhân dịp quốc tế thiếu nhi, tết trung thu. Công ty cũng đã khen thưởng, trao học bổng "Nguyễn Đức Cảnh" cho những cháu là con cán bộ nhân viên Công ty đạt thành tích tốt trong học tập.
- Công ty cũng đã đặt ra cho mình trách nhiệm đối với xã hội, với cộng đồng. Với truyền thống tốt đẹp "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc Việt Nam và của PINACO, mỗi dịp xuân về Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty tổ chức vận động quyên góp từ Cán bộ công nhân lao động trong công ty để làm công tác xã hội – đền ơn đáp nghĩa. Trong đó phải kể đến đóng góp quỹ an sinh xã hội cho Tập đoàn, tặng quà cho cán bộ hưu trí ngành Hóa chất phía Nam, ủng hộ quỹ khuyến học, thăm hỏi, tặng quà nhân Ngày Thương binh liệt sĩ 27/7, trợ giúp khu nuôi dưỡng người già cô đơn, trẻ em nghèo, mồ côi khuyết tật… vào các dịp lễ Tết.v.v… tổng số tiền tham gia hoạt động xã hội từ thiện của đơn vị trong năm trên 1.700 triệu đồng.

# BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

*1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*
*2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020*



## I. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH NĂM 2019

### 1.1. Đánh giá chung

**Tình hình chung**

Năm 2019 tình hình kinh tế – chính trị thế giới nhiều bất ổn, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng quyết liệt đã ảnh hưởng đến kinh tế nước ta. Tuy nhiên, nhìn chung kinh tế Việt Nam ổn định, chất lượng tăng trưởng ngày càng tốt hơn, GDP tăng 7,02% là mức tăng cao trong các năm gần đây. Tỷ giá ngoại tệ, lãi vay ngân hàng, chỉ số giá hàng tiêu dùng tăng vừa phải, môi trường kinh doanh ngày càng được cải thiện.

**Thuận lợi**

- Thương hiệu mạnh, chất lượng sản phẩm ổn định tạo niềm tin cho người tiêu dùng.
- Hệ thống bán hàng chuyên nghiệp, rộng khắp tạo sự khác biệt với đối thủ góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm PINACO trên thị trường.
- Xu thế chuyển mạnh ắc quy MF sang ắc quy CMF đối với ô tô và VRLA đối với xe gắn máy giúp tiêu thụ các dòng sản phẩm này tăng nhanh.
- Giá chì, kẽm là 2 loại nguyên liệu chủ yếu có giảm nhẹ so với năm trước và hiện nay đang duy trì ở mức thấp giúp công ty hoạt động đạt hiệu quả cao.

**Khó khăn**

- Cạnh tranh ngày càng quyết liệt, đối thủ đã tung ra nhiều chương trình bán hàng mạnh đã làm ảnh hưởng đến các kế hoạch bán hàng của Công ty. Hiện nay PINACO không chỉ cạnh tranh các công ty trong nước mà còn phải cạnh tranh quyết liệt với sản phẩm ngoại nhập.
- Nhu cầu thị trường chuyển dịch mạnh từ bình MF sang bình CMF đã ảnh hưởng rất lớn đến việc đáp ứng nhu cầu thị trường. Máy móc thiết bị dùng để sản xuất bình CMF và VRLA hoạt động hết công suất, trong khi thiết bị đầu tư không về kịp nên sản xuất thiếu nghiêm trọng, đến nay vẫn chưa khắc phục xong.
- Tháng 7/2019 đã xảy ra sự cố cháy tại phân xưởng hóa thành nhà máy ắc quy Đồng Nai 2, nguyên nhân cháy là do chập điện, vụ cháy không gây thiệt hại về người nhưng đã làm gián đoạn sản xuất gần hai tháng. Toàn bộ tài sản đã được mua bảo hiểm với hình thức mua mới, Công ty đang làm việc với bảo hiểm để thu hồi tiền bồi thường theo quy định, hiện nay đã thu được 7 tỷ đồng bồi thường.
- Công ty hoạt động chủ yếu dựa vào vốn vay cả ngắn hạn và dài hạn vì vậy áp lực trả nợ và lãi vay rất lớn.

### 1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch 2019 | Thực hiện 2019 | So sánh (%) | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Kế hoạch | Cùng kỳ |
| Doanh thu | Tỷ đồng | 3.400 | 3.541 | 104,2 | 108,2 |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 182 | 212 | 116,5 | 100,4 |
| Cổ tức | % | >=15 | (*) 20 | 133,3 | 100,0 |

*Ghi chú: (*): Đã chi trả tiền mặt 15%, dự kiến chia thêm 5% và chờ ĐHĐCĐ thông qua.*

Doanh thu đạt 3.541 tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2018 và 4,2% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 212 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2018 (điều chỉnh số của KTNN) và 16,5% so với kế hoạch.

### 1.3. Các giải pháp đã thực hiện

**Công tác tiêu thụ - thị trường**

- Trong bối cảnh các đối thủ cạnh tranh quyết liệt, Công ty đã có nhiều giải pháp bán hành linh hoạt kích thích tiêu thụ nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh để duy trì doanh số và giữ vững thị phần.
- Thực hiện các chương trình quảng bá thương hiệu, đặc biệt tham gia tài trợ bạch kim Seagame 30 tại Philipin thành công đã giúp củng cố hình ảnh, thương hiệu PINACO ở cả thị trường trong nước và khu vực Đông Nam Á.
- Trong năm qua Công ty đã tham gia nhiều triển lãm quốc tế và đã thu hút được nhiều sự chú ý của khách hàng; tổ chức cho khách hàng nước ngoài tham quan Công ty, tận mắt nhìn thấy quy trình sản xuất củng cố hơn niềm tin cho khách hàng. Thực hiện nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh xuất khẩu; trong năm 2019 đã mở thêm 3 khách hàng OEM và 1 thị trường xuất khẩu, doanh số xuất khẩu tăng 16%, sản lượng tăng 30%; sản phẩm của PINACO đã hiện diện tại 35 quốc gia và vùng lãnh thổ.

**Công tác Kỹ thuật – Sản xuất**

- Rà soát và tinh gọn hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) nhằm nâng cao hiệu quả quản lý như: Quy định việc quản lý, đánh giá nhà cung cấp; quy định mua hàng; tinh gọn các hồ sơ, hướng dẫn công việc cho các dây chuyền sản xuất theo hướng đơn giản nhưng dễ kiểm soát. Ban hành lại các quy định như: bảo dưỡng định kỳ, quản lý năng lượng, đánh giá mối nguy,…
- Kiểm tra hàng tháng tính tuân thủ quy trình công nghệ tại các Xí nghiệp nhằm chấn chỉnh kịp thời việc vi phạm quy trình làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
- Khắc phục nhanh các lỗi từ khiếu nại khách hàng: cọc bình ắc quy bị oxy hóa, giải quyết dứt điểm hiện tượng đóng muối trắng trên bình CMF-44B20L cho HTCV...
- Thiết kế tối ưu sườn truyền thống để phù hợp cho trát cao 2 mặt trên máy Sunlight nhằm tiết kiệm chì. Chuẩn hóa lại quy cách lắp ráp ắc quy tải.
- Thực hiện dự án cải tiến nâng cao hiệu quả trong sản suất theo lý thuyết TVP (Theoretical value production) cho dây chuyền xe gắn máy 12N5 tại XN Đồng Nai dưới sự hướng dẫn của chuyên gia Nhật của công ty Yamaha.
- Hoàn thành thủ tục xác nhận ĐTM cho AĐN2, thiết kế layout mặt bằng và bố trí thiết bị cho Nhơn Trạch và An Phước đến năm 2030.

**Công tác quản lý tài chính**

- Đàm phán ký kết hợp đồng với các tổ chức tín dụng đáp ứng đủ nhu cầu vốn ngắn và trung hạn với lãi suất phù hợp, quản lý dòng tiền tốt, mang lại hiệu quả cho công ty.
- Theo dõi sát sao tình hình tài chính và chính sách tiền tệ, thường xuyên phân tích đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh, tham mưu ban lãnh đạo.
- Tổ chức lập kế hoạch ngân sách 2019 làm cơ sở hoạt động của Công ty. Thường xuyên và định kỳ kiểm soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch chi phí của các đơn vị, qua đó chấn chỉnh kịp thời những tồn tại giúp các đơn vị hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

**Công tác đầu tư**

Triển khai đầu tư nhiều máy móc thiết bị phục vụ cho việc nâng năng lực sản xuất cho ngành pin và ắc quy. Làm việc với chuyên gia về tư vấn đào tạo công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật cải tiến chất lượng sản phẩm.

## II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2020

### I.1. Dự báo tổng quát tình hình năm 2020

**Nhận định chung**

- Sự vui mừng trước kết quả phát triển kinh tế đất nước năm 2019 chưa lâu thì đầu năm 2020 đại dịch Covid 19 đã bùng phát từ Vũ Hán - Trung Quốc, đã lan truyền ra toàn thế giới và chưa biết lúc nào kết thúc, làm cho nền kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng nghiêm trọng, thị trường tài chính tiền tệ thế giới chao đảo. Mặc dù Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 6,8% năm 2020 song với tình hình dịch bệnh như hiện nay con số này sẽ rất kho khăn thách thức.
- Theo nhận định của các tổ chức Quốc tế, nền kinh tế thế giới năm 2020 và các năm tiếp theo sẽ gặp nhiều khó khăn, thậm chí có thể xảy ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Kinh tế Mỹ đang đối mặt khó khăn và dự báo khó duy trì được tốc độ tăng trưởng như các năm vừa qua, kinh tế Trung Quốc cũng đang giảm tốc ngày càng rõ ràng. Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung xuất hiện một số tín hiệu lạc quan song vẫn còn đó những bất đồng mà không thể một sớm một chiều giải quyết xong.

**Thuận lợi**

- Thương hiệu mạnh, hệ thống phân phối lớn, bao phủ rộng, chất lượng sản phẩm ổn định là thế mạnh cơ bản giúp công ty nhiều lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- Các dòng sản phẩm chủ lực: Pin R6, ắc quy CMF, VRLA vẫn tiếp tục xu thế tăng trưởng cao giúp công ty tiếp tục phát triển.
- Năng lực sản xuất ắc quy đã được cải thiện nhiều cả ở 2 xí nghiệp, tình trạng thiếu hàng bán sẽ được giải quyết dứt điểm ngay trong quý 1.

**Khó khăn**

- Sự cạnh tranh trong ngành đang diễn ra ngày càng khốc liệt. Bên cạnh những thương hiệu hiện nay, đang có thêm nhiều nhà sản xuất ắc quy từ Trung quốc chuyển sang đầu tư ở Việt nam và đều nhắm đến giành giật thị phần từ PINACO gây khó khăn cho công tác tiêu thụ.
- Việc thiếu hàng ắc quy kéo dài trong năm 2019 đã tạo cơ hội cho đối thủ cạnh tranh, lấn chiếm thị phần.
- Nhu cầu vốn lớn cho đầu tư máy móc thiết bị và xây dựng nhà máy mới tại Khu công nghiệp An Phước,... nên sẽ ảnh hưởng đến dòng tiền và hiệu quả SXKD của công ty trong ngắn hạn.

### I.2. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

1. Tổng doanh thu: 3.670 tỷ đồng
2. Lợi nhuận trước thuế : 205 tỷ đồng
3. Cổ tức : ≥ 15%

*(Chưa tính đến ảnh hưởng của dịch covid-19)*

## I.3. Giải pháp chỉ đạo chung

### Nhiệm vụ trọng tâm

- Đẩy mạnh sản xuất tiêu thụ ngay từ đầu năm, phấn đấu vượt chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế đề ra.
- Đổi mới chính sách tiền lương theo hướng tiền lương, thu nhập gắn với kết quả đóng góp, hiệu quả công việc của mỗi cá nhân đơn vị.
- Rà soát và chấn chỉnh lại hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL), hệ thống ATVSLĐ – PCCC – MT toàn công ty theo hướng tinh gọn, thực chất và hiệu quả.
- Nghiên cứu cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm hiện hữu và phát triển sản phẩm mới, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của khách hàng.
- Cải tiến, nâng chất lượng sản phẩm hiện hữu, phát triển các dòng sản phẩm mới.
- Hoàn thành di dời xí nghiệp Pin Con Ó, đầu tư mở rộng nhà máy ắc quy Đồng Nai 2, khởi công xây dựng nhà máy ắc quy tại Khu công nghiệp An Phước, Đồng Nai.

### Công tác tiêu thụ - thị trường

- Luôn theo dõi sát tình hình diễn biến của thị trường đề xuất chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp nhằm cạnh tranh thắng lợi trên từng điểm bán, hoàn thành mục tiêu doanh thu 2020. Thiết kế lại mẫu mã, xây dựng mới kênh phân phối pin, quan tâm nhiều đến sản phẩm pin R03 để duy trì tốc độ tăng trưởng tiêu thụ ngành pin.
- Chú trọng công tác bán hàng OEM, nâng cao năng lực để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các hãng lắp ráp xe. Triển khai đội ngũ chăm sóc khách hàng OEM để bảo đảm chất lượng sản phẩm khi đến tay người dùng.
- Đẩy mạnh xuất khẩu pin thông qua việc tìm kiếm khách hàng mới, mở thị trường mới tại Mỹ và Châu Phi,… Tiếp tục đẩy mạnh phát triển thương hiệu, tăng trưởng doanh số ắc quy tại khu vực Đông Nam Á. Trọng tâm là các thị trường: Indonesia, Myanmar và Malaysia. Tăng cường tham gia các hội chợ, triển lãm quốc tế để tìm kiếm khách hàng và mở thị trường mới khu vực Châu Mỹ La Tinh, Châu Phi.
- Quan tâm công tác Marketing để quảng bá thương hiệu, duy trì vị thế của PINACO trên thị trường. Luôn đưa ra nhiều hình thức quảng cáo, khuyến mãi mới để thu hút khách hàng.
- Thường xuyên phản ánh chất lượng sản phẩm, bảo hành và những lỗi bất thường cho bộ phận kỹ thuật và các xí nghiệp để khắc phục kịp thời.

### Công tác kỹ thuật – sản xuất

- Tập trung đẩy mạnh sản xuất đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ đặc biệt đối với các chủng loại bình CMF, VRLA đang có tốc độ tăng trưởng cao.
- Tập trung chấn chỉnh triệt để công tác quản lý chất lượng: Kiểm soát chặt chất lượng vật tư đầu vào, làm tốt công tác bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị (MMTB) nhằm hạn chế tối đa thời gian dừng chuyền và ảnh hưởng đến tuổi thọ của máy; kiểm soát tính tuân thủ quy trình công nghệ, tăng cường công tác đào tạo, sắp xếp bố trí đội ngũ kỹ sư, KCS,… phù hợp, đủ năng lực để đáp ứng yêu cầu công việc nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm; giải quyết và khắc phục nhanh, chính xác các khiếu nại của khách hàng.
- Lập kế hoạch triển khai đào tạo và áp dụng lý thuyết TVP của YAMAHA về việc phân tích cải tiến giảm lãng phí trong sản xuất cho các xí nghiệp. Triển khai quyết liệt các giải pháp tiết kiệm vật tư, chi phí. Phát huy phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để giảm giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh. Cải tiến máy móc thiết bị, công nghệ nhằm giúp người lao động giảm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và tăng năng suất lao động.

- Cân đối năng lực máy móc thiết bị hiện có và đầu tư bổ sung kịp thời. Bố trí, sắp xếp lao động hợp lý và tuyển dụng thêm nếu thiếu để đảm bảo sản xuất tăng trưởng 10-15% mỗi năm.
- Đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, KCS, QA để đủ năng lực kiểm soát bảo đảm chất lượng sản phẩm và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới. Đào tạo quy trình vận hành thiết bị và tay nghề cho người lao động. Củng cố công tác ATVSLĐ – PCCC – MT, 5S để môi trường làm việc an toàn, thân thiện.

**Công tác đầu tư, nghiên cứu phát triển:**

- Ngay từ đầu năm phải xúc tiến việc tính toán và triển khai các dự án đầu tư đã được phê duyệt. Hoàn thiện chiến lược phát triển công ty từ 2020 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.
- Chuẩn bị tốt các dữ liệu và các yêu cầu về công nghệ để tận dụng tối đa kinh nghiệm của chuyên gia, áp dụng kịp thời vào sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm hiện hữu và sản phẩm mới.
- Triển khai đầu tư nhà máy mới An Phước, phấn đấu cuối năm 2021 khánh thành giai đoạn 1 nhằm kỷ niệm 45 năm ngày thành lập công ty. Hoàn thành di dời nhà máy Pin Con Ó ra Khu công nghiệp Tân Tạo.

**Công tác khác**

- Thường xuyên theo dõi sát tình hình diễn biến của thị trường tài chính để có giải pháp đối phó phù hợp, tránh bị động gây thiệt hại cho Công ty. Tăng cường công tác kiểm soát tính tuân thủ, phát huy hơn nữa bộ phận kế toán quản trị, kiểm toán nội bộ để kiểm soát, phòng ngừa rủi ro.
- Rà soát tổng thể nguồn nhân lực để có kế hoạch đào tạo và tuyển dụng phù hợp. Tiếp tục hoàn thiện quy trình đánh giá nhân viên, chính sách lương thưởng hợp lý nhằm kích thích sự chủ động, sáng tạo, thu hút và giữ chân được lao động chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty trong tương lai.

# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2019*
*2. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc*
*3. Phương hướng hoạt động của HĐQT*



## I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2019

### 1.1. Đánh giá chung tình hình năm 2019 :

- Năm 2019, trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp và có nhiều yếu tố không thuận lợi. Kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu. Sự biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế, giá dầu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng, tâm lý và kỳ vọng thị trường. Trong nước, nền kinh tế có nhiều tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp nhưng cũng đối mặt không ít khó khăn, thách thức với thời tiết diễn biến phức tạp, dịch bệnh, chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn trên thế giới ... ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống và tăng trưởng kinh tế.
- Đối với PINACO, ngoài những tác động từ thuận lợi và khó khăn nêu trên, sản xuất kinh doanh của Công ty có những thuận lợi, khó khăn sau:
  - ❖ *Thuận lợi*:
    - Thương hiệu sản phẩm mạnh, hệ thống phân phối nội địa rộng khắp, thị trường xuất khẩu đã phát triển thêm nhiều quốc gia.
    - Chất lượng sản phẩm tiếp tục được duy trì và ổn định tạo niềm tin cho người tiêu dùng giúp tăng khả năng cạnh tranh; giá nguyên liệu chính ở mức thấp và duy trì trong thời gian dài giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đạt hiệu quả cao; bộ máy lãnh đạo có kinh nghiệm; đội ngũ lao động có chất lượng, tâm huyết;... là động lực quan trọng cho sự ổn định và phát triển của Công ty.
  - ❖ *Khó khăn:*
    - Cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt cả về giá bán, chất lượng và các chính sách bán hàng, hậu mãi.
    - Tình trạng thiếu ắc quy do hạn chế về năng lực sản xuất và xu thế dịch chuyển nhanh về cơ cấu sản phẩm tiêu thụ nên sản xuất chưa kịp thời đáp ứng nhu cầu tiêu thụ. Đặc biệt, sau sự cố ngoài mong muốn (cháy xưởng hóa thành của Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2 tại Nhơn Trạch vào ngày 14 tháng 7 năm 2019) dẫn đến sản lượng sản xuất ắc quy bị sụt giảm trong quý III/2019 ảnh hưởng đến việc cung cấp sản phẩm ra thị trường.
    - Nguồn cung nguyên liệu chính có nhiều biến động, Công ty phải tăng cường tìm kiếm các nguồn cung cấp mới thay thế tiềm ẩn nguy cơ, rủi ro về chất lượng nguyên liệu.

### 1.2. Kết quả kinh doanh năm 2019 (một số chỉ tiêu chủ yếu)

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| STT | Nội dung các chỉ tiêu | Thực hiện năm 2018 | Kế hoạch năm 2019 | Thực hiện năm 2019 | So sánh (%) | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Cùng kỳ | Kế hoạch |
| 1 | Tổng doanh thu | 3.274 | 3.400 | 3.541 | 108,2 | 104,2 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 211 | 182 | 212 | 100,5 | 116,5 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 169 | | 167 | 98,7 | |
| 4 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP) | 3.289 | | 3.228 | 98,2 | |
| 5 | Cổ tức | 20% | ≥15% | (*) 20% | 100,0 | 133,3 |
| 6 | Vốn điều lệ (làm tròn số) | 465 | | 465 | 100,0 | |

*Ghi chú:(*) PINACO đã tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt là 15% vào tháng 12/2019 (đã hoàn thành chia cổ tức năm 2019 theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua). Tuy nhiên, với hiệu quả sản xuất, kinh doanh đạt được vượt kế hoạch nêu trên, HĐQT dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chia cổ tức năm 2019 là 20% và trả bằng tiền mặt.*

### 1.3. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT năm 2019:

Năm 2019, năm thứ 3 của Nhiệm kỳ HĐQT 05 năm giai đoạn 2017-2022, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan, cụ thể:

- Đối với công tác chỉ đạo, HĐQT đã xác định các vấn đề trọng tâm, trọng điểm trong sản xuất, kinh doanh và đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định đúng đắn, phù hợp, kịp thời; Đồng thời, phối hợp tốt với Ban Điều hành tập trung xử lý, giải quyết các vấn đề theo thẩm quyền được Đại hội đồng cổ đông giao phù hợp với các quy định hiện hành.
- Trong năm qua, cơ cấu thành viên HĐQT có thay đổi như sau: Ông Lê Văn Năm – Phó Tổng giám đốc Công ty được bổ nhiệm là Thành viên Hội đồng quản trị thay thế Bà Lương Thị Anh Đào.

Đánh giá chung: HĐQT và Ban điều hành đã phối hợp tốt, hiệu quả và hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ trong Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 giao.

## II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY NĂM 2019

### 2.1. Cơ cấu Hội đồng Quản trị:

Gồm năm thành viên (một Chủ tịch và bốn thành viên), như sau:

| Stt | Họ và Tên | Chức vụ | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Thanh Tùng | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 27/4/2017 |
| 2 | Bà Lương Thị Anh Đào | Thành viên HĐQT | Miễn nhiệm ngày 20/4/2019 |
| 3 | Ông Lê Văn Năm | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 20/4/2019 |
| 4 | Ông Nguyễn Văn Chung | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 27/4/2017 |
| 5 | Ông Shinichiro Ota | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 27/4/2017 |
| 6 | Ông Trần Thanh Văn | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm lại ngày 27/4/2017 |

### 2.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng Quản trị có năm thành viên đều tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm trong quản lý; phân công nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT như sau:
  - + *Ông Phạm Thanh Tùng – Chủ tịch HĐQT:* Chỉ đạo chung mọi hoạt động của Hội đồng quản trị; Trực tiếp phụ trách công tác chiến lược và công tác tổ chức nhân sự.
  - + *Ông Trần Thanh Văn- Thành viên HĐQT/TGĐ:* Chỉ đạo điều hành toàn bộ hoạt động Ban Tổng giám đốc; Phụ trách chung mảng công bố thông tin của HĐQT; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.
  - + *Ông Shinichiro Ota - Thành viên HĐQT:* Hỗ trợ công ty trong việc phát triển khách hàng Nhật Bản tại Việt Nam và các nước trong khu vực; Phụ trách phát triển bền vững, công tác môi trường; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.
  - + *Bà Lương Thị Anh Đào - Thành viên HĐQT:* Phụ trách công tác tài chính - kế toán; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao đến ngày 20 tháng 04 năm 2019.

+ *Ông Lê Văn Năm - Thành viên HĐQT:* Phụ trách công tác Kỹ thuật – sản xuất, ATLĐ-PCCN-BVMT; Phụ trách việc chuẩn bị, đề xuất và triển khai thực hiện công tác đầu tư; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao kể từ ngày 20 tháng 04 năm 2019 trở đi.

+ *Ông Nguyễn Văn Chung - Thành viên HĐQT :*Phụ trách công tác đầu tư xây dựng; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

- Trong năm 2019, HĐQT tổ chức họp định kỳ hàng quý (không kể xin ý kiến bằng văn bản), cụ thể: HĐQT đã tổ chức năm (05) cuộc họp và đã ban hành 45 Nghị quyết, Quyết định *(Chi tiết theo Phụ lục – Bảng 1 đính kèm)*; đã kịp thời đưa ra các chỉ đạo quản trị phù hợp với nhu cầu diễn biến của sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển; Rà soát, kiện toàn công tác nhân sự theo quy định.
- Về mối quan hệ với cổ đông và công bố thông tin: HĐQT tuân thủ đúng Quy chế quản trị theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với các công ty niêm yết; thực hiện đúng quy định việc công bố thông tin định kỳ, thường niên cũng như các thông tin bất thường cho các cổ đông trên trang Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK HCM. Tuy nhiên, Pinaco cũng giống như mô hình một số các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay cũng đang gặp vướng mắc như chưa có thành viên HĐQT độc lập, Ban kiểm soát còn có một (01) thành viên làm việc trong bộ phận kế toán, Công ty sẽ xem xét, hoàn thiện trong thời gian tới.
- Về thực hiện phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và phương án chi trả cổ tức: Thực hiện đúng theo Nghị quyết đã được Đại Hội đồng cổ đông năm 2019 thông qua về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và phương án chi trả cổ tức năm (HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành tạm ứng cổ tức năm 2019 là 15% cho các cổ đông hiện hữu bằng tiền mặt);
- Việc trả thù lao và chi phí cho HĐQT: Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm qua được thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Các nội dung khác:

  + HĐQT đã thực hiện tốt việc phối hợp, kịp thời cung cấp các hồ sơ, tài liệu, thông tin… theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ của mình trong quản lý điều hành doanh nghiệp.

  + Công tác đoàn thể: HĐQT tạo điều kiện để các hoạt động của Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên… đóng góp tích cực trong việc động viên cán bộ công nhân viên tích cực thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực; phát huy truyền thống, văn hoá doanh nghiệp của PINACO.

**2.3 Tổng thù lao HĐQT năm 2019 là 324.000.000 đồng.**

*Trong đó:*

- *Thù lao Chủ tịch HĐQT: 108.000.000 đồng.*
- *Thù lao của các thành viên: 216.000.000 đồng.*

### *2.4.* Hoạt động của Ban điều hành công ty:

Trong năm 2019, Ban điều hành Công ty có bốn (04) thành viên đều có trình độ đại học trở lên; đến thời điểm Đại hội nhân sự Ban điều hành Công ty có sự thay đổi như sau:

- Trước ngày 01/02/2020, Ban điều hành có bốn (04) thành viên (gồm: 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng), cụ thể:

| Stt | Họ và Tên | Chức danh | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | Ông Trần Thanh Văn | Tổng Giám đốc | |
| 2 | Ông Lê Văn Năm | Phó TGĐ phụ trách Kỹ thuật – Sản xuất | |
| 3 | Ông Đào Ngọc Minh Tiến | Phó TGĐ phụ trách Bán hàng – Thị trường | |
| 4 | Ông Nguyễn Duy Hưng | Kế toán trưởng | |

- Kể từ ngày 01/02/2020, Ban điều hành có ba (03) thành viên (gồm: 01 Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng), cụ thể:

| Stt | Họ và Tên | Chức danh | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | Ông Trần Thanh Văn | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm 01/02/2020 |
| 2 | Ông Lê Văn Năm | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/02/2020 |
| 3 | Ông Đào Ngọc Minh Tiến | Phó TGĐ phụ trách Bán hàng – Thị trường | |
| 4 | Ông Nguyễn Duy Hưng | Kế toán trưởng | |

- Trong thời gian tới, Hội đồng quản trị sẽ phối hợp với Ban điều hành để xem xét, giới thiệu, bổ nhiệm các chức danh quản lý Công ty còn thiếu theo quy định.
- Đánh giá về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành: Năm 2019, Ban điều hành công ty đã cơ bản hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh được Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao

## III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

### 3.1. Nhận định tình hình chung

Năm 2020, kinh tế vĩ mô trong nước được Chính phủ đặt mục ổn định, tiêu tăng trưởng GDP từ 6,7% - 7%, lạm phát duy trì với mức thấp, môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục cải thiện; Kinh tế thế giới tương đối ổn định. Tuy nhiên, ngay từ đầu năm 2020, xuất hiện dịch bệnh Covid -19 với nhiều diễn biến phức tạp ở trong nước và trên thế giới, ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi mặt đời sống dân sinh, kinh tế thế giới bước vào khủng hoảng chưa từng có.

Với tình hình dịch Covid -19 như hiện nay (4/2020) thì mọi khó khăn còn đang ở phía trước.Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội nếu Pinaco chủ động trong phòng chống dịch đồng thời kịp thời nắm bắt các diễn biến thuận lợi khi dịch bệnh được kiểm soát để có những quyết sách hợp lý tận dụng tốt cơ hội để đẩy mạnh tiêu thụ, phát huy hết năng lực máy móc thiết bị đã và đang đầu tư để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh ở mức cao nhất có thể.

### 3.2. Mục tiêu cụ thể

Căn cứ vào tình hình thực tế, HĐQT trình Đại Hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Tổng doanh thu: 3.670 tỷ đồng, bằng 104% so với thực hiện năm 2019.
- Lợi nhuận trước thuế: 205 tỷ đồng.
- Cổ tức: Không thấp hơn 15%.

*(Chưa tính đến ảnh hưởng của dịch covid-19)*

### 3.3. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông năm 2020 giao cụ thể:

- Chủ động xây dựng các phương án khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh ngay sau khi dịch bệnh Covid-19 tại Việt Nam và Thế giới được khống chế. Đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của chuỗi cung ứng từ khâu chuẩn bị nguyên nhiên vật liệu, tổ chức sản xuất, phân phối, lưu thông, đến cung ứng hàng hóa trong nước và xuất khẩu. Phấn đấu cao

nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã đặt ra. Phải biến thách thức thành cơ hội của Công ty;

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định quản lý…để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan;
- Tiếp tục rà soát, khẩn trương thực hiện các nội dung liên quan đến đầu tư phát triển trước mắt cũng như lâu dài. Đồng thời, phát huy tối đa các nguồn lực hiện có để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, lợi thế của doanh nghiệp;
- Tăng cường kiểm soát và tối ưu hóa các chi phí, thực hành tiết kiệm, phát huy có hiệu quả các sáng kiến cải tiến trong mọi hoạt động của Công ty…nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh;
- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức, kiện toàn bộ máy, nhân lực, đảm bảo nhân lực có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và khả năng quản lý đáp ứng với quá trình phát triển của doanh nghiệp và hội nhập quốc tế.

# BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

*1. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019*

*2. Kế hoạch công tác của Ban kiểm soát năm 2020*



# I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

## 1. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

### a) Cơ cấu Ban kiểm soát (nhiệm kỳ 2017-2022)

Gồm 03 thành viên (một Trưởng ban và hai thành viên), như sau

| Stt | Họ và Tên | Chức vụ | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh | Trưởng BKS | Bổ nhiệm ngày 27/4/2017 |
| 2 | Bà Trần Thị Kiều Ly | Thành viên BKS | Bổ nhiệm ngày 27/4/2017 |
| 3 | Bà Bùi Thu Hằng | Thành viên BKS | Miễn nhiệm ngày 21/4/2018 |
| 4 | Bà Vũ Thị Mai Nhung | Thành viên BKS | Bổ nhiệm ngày 21/4/2018 |

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2019, BKS đã tổ chức 08 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ các thành viên *(Chi tiết theo Phụ lục – Bảng 2 đính kèm)*.
- Ban kiểm soát có đại diện tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị:
  + Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và hệ thống quản lý Công ty;
  + Giám sát việc chấp hành các Nghị quyết/ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị; Điều lệ Công ty; Nghị quyết, quyết định, quy chế, chỉ thị của Tập đoàn/ Công ty;
  + Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của công ty;
  + Xem xét Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty;
  + Đánh giá việc chấp hành pháp luật về quản lý và sử dụng vốn; việc ban hành và thực hiện Quy chế tài chính, Quy định nội bộ của Doanh nghiệp, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ;;

## 2. Báo cáo kết quả giám sát của Ban kiểm soát:

Thông qua các báo cáo quản lý nội bộ, các cuộc họp thường xuyên và định kỳ của Hội đồng quản trị, các Nghị quyết do Hội đồng quản trị ban hành, các cuộc họp giao ban cuối tháng của Công ty, các văn bản, hồ sơ, tài liệu… gửi cho Ban kiểm soát, các văn bản chính sách và kết quả kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát có một số ý kiến như sau:

### a) Về tổ chức bộ máy

Trong năm 2019, cơ cấu Hội đồng quản trị gồm năm thành viên (một Chủ tịch và bốn thành viên) và thay đổi như sau:

| Stt | Họ và Tên | Chức vụ | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | Ông Phạm Thanh Tùng | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 27/4/2017 |
| 2 | Bà Lương Thị Anh Đào | Thành viên HĐQT | Miễn nhiệm ngày 20/4/2019 |
| 3 | Ông Lê Văn Năm | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 20/4/2019 |
| 4 | Ông Nguyễn Văn Chung | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 27/4/2017 |
| 5 | Ông Shinichiro Ota | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 27/4/2017 |
| 6 | Ông Trần Thanh Văn | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm lại ngày 27/4/2017 |

Ban kiểm soát đã tham gia giám sát quá trình bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo đúng Điều lệ Công ty và trình tự thủ tục bầu cử theo thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông quyết định.

**b) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát Công ty**

- Chế độ thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Thực hiện đúng theo mức Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, trong đó:
  - + Chủ tịch HĐQT: 9.000.000 đồng/tháng.
  - + Thành viên HĐQT: 6.000.000 đồng/tháng.
  - + Thành viên BKS: 4.000.000 đồng/tháng.
- Thù lao, lương và phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty là: 2.814.160.000 đồng.

**c) Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019**

Tất cả các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đều vượt mức chỉ tiêu so với kế hoạch đặt ra *(Chi tiết theo Phụ lục – Bảng 3 đính kèm)*.

**d) Thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

**i) Đối với Hội đồng quản trị (HĐQT)**

Đã quản lý, chỉ đạo hoạt động của đơn vị theo đúng Pháp Luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra cụ thể như sau:

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 đạt hiệu quả cao; Cả sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đều vượt mức kế hoạch đặt ra;
- Đã ban hành 45 Nghị quyết, Quyết định phục vụ công tác quản lý và điều hành hoạt động của Công ty phù hợp với quy định pháp luật;
- Tiếp tục chỉ đạo sửa đổi bổ sung và ban hành mới một số Quy chế (Quy chế bán hàng, Quy chế chi hoa hồng môi giới, quy định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty và Luật Doanh nghiệp 2014 ban hành hiệu lực 01/07/2015.

**ii) Hoạt động quản lý điều hành của Tổng giám đốc**

- Đã thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, đa số các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành.

❖ **Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019.**

- Tất cả các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đều vượt mức chỉ tiêu so với kế hoạch đặt ra.

❖ **Công tác tổ chức quản lý.**

- Công ty tiếp tục triển khai thực hiện việc trích quỹ lương, quỹ phúc lợi giao cho Tổ chức Công đoàn lập quỹ mua cổ phiếu PAC để tạo sự gắn kết giữa Công ty và người lao động.

❖ **Thực hiện các dự án đầu tư.**

- Trong năm 2019, Công ty đang thực hiện 14 dự án đầu tư xây dựng, trong đó 13 dự án là công trình chuyển tiếp từ năm trước và 01 công trình đầu tư mới. Tổng giá trị đã thực hiện tính đến hết năm 2018 là 160.548 triệu đồng. Tổng giá trị kế hoạch năm 2019 là 232.118

triệu đồng; Tổng giá trị thực hiện năm 2019 là 172.149 172.599 triệu đồng; trong đó giá trị giải ngân năm 2019 là 154.077 triệu đồng.

❖ **Thực hiện công tác nhân sự, lao động tiền lương.**

- Trong năm qua, Công ty đã kịp thời rà soát và kiện toàn công tác nhân sự đối với chức danh Người quản lý và quản lý cấp trung công ty; Triển khai công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và luân chuyển nhân sự một cách kịp thời, phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tổng số Cán bộ công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.179 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.204 người), trong năm tăng 193 người và giảm 218 người. Trong đó, tổng lao động ngành ắc quy bình quân là 768 người, lao động ngành pin bình quân là 221 người;
- Tổng quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của người lao động và người quản lý là 242.781.600.000 đồng.

**3. Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán**

**a) Ý kiến kiểm toán:**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, địa chỉ: Tầng 18, Tòa nhà Times Square, số 57-69F Đồng Khởi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Ý kiến kiểm toán độc lập: Được trình bày tại "Báo cáo kiểm toán độc lập" số 406/VN1A-HC-BC ngày 17/03/2020.

**b) Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

- Báo cáo tài chính năm 2019 lập ngày 20/01/2020 của Công ty cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam theo quy định của pháp luật, bao gồm:
  + Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 17 tháng 03 năm 2020.
  + Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019;
  + Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019;
  + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019;
  + Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2019.
- Chi tiết xin đăng tải tại Website của Công ty: www.pinaco.com.vn

**4. Kiến nghị , kết luận chung**

**a) Đánh giá chung.**

- Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật trong hoạt động quản lý Công ty cũng như trong các giao dịch. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Công ty không phát sinh tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư dự án.
- Chế độ hạch toán kế toán tuân thủ về cơ bản theo chuẩn mực kế toán hiện hành, lập và nộp các báo cáo kế toán kịp thời cho các cấp thẩm quyền.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin đối với Công ty niêm yết theo đúng quy định.

**b) Kiến nghị.**

- Về tình hình tài chính: Ban điều hành Công ty cần xem xét, cân nhắc và cơ cấu lại khoản mục tài sản ngắn hạn, vay ngắn hạn, vay dài hạn để đảm bảo tỷ lệ Nợ phải trả/ Vốn Chủ sở hữu giảm cũng như tăng tính thanh khoản của tài sản ngắn hạn nhằm tránh áp lực phải vay trung dài hạn hoặc thuê tài chính phát sinh nhiều làm chi phí lãi vay tăng cao.
- Về chủ trương thoái vốn: đề nghị Ban điều hành Công ty khẩn trương triển khai việc thoái vốn khỏi Công ty Bất Động Sản Thịnh Phát liên quan khu đất 752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6 theo Nghị quyết số 384/NQ-HĐQT/2018 ngày 24/07/2018 của Hội đồng quản trị Công ty và quy định pháp luật có liên quan về đất đai, nhằm bảo toàn được vốn đầu tư.
- Tiếp tục rà soát, cập nhật hoàn thiện các quy chế hiện hành (như Quy chế tài chính, Quy chế tổ chức cán bộ, Quy chế quản lý đầu tư,….), sớm ban hành quy chế mới (như Quy chế quản lý mua sắm nguyên vật liệu - vật tư - phụ tùng,..) phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và tình hình thực tế hiện nay của Công ty.
- Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành các nội quy, quy định, các quy chế, các trình tự thủ tục hồ sơ, chứng từ của Công ty, chính sách pháp luật của Nhà nước tại các phòng ban Công ty, xí nghiệp và Chi nhánh nhằm tránh việc sai sót không được công nhận là chi phí hợp lý hợp lệ.
- Tiếp tục có các biện pháp quản lý hợp lý và hiệu quả trong quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, quản lý chi phí,… đảm bảo tồn kho hợp lý; duy trì và làm tốt việc thực hiện tiết kiệm các chi phí như: Năng lượng, chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ đưa vào sản xuất…, chi phí quản lý nhằm hạ giá thành sản phẩm,… qua đó cơ cấu lại giá bán hợp lý từng khu vực, từng nhóm khách hàng, khách hàng,… nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.
- Chú trọng xây dựng công tác dự báo tiêu thụ, kế hoạch vật tư, sản xuất nhằm nắm vững và chỉ đạo kịp thời kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị, chủ động điều tiết bán hàng và giá cả hợp lý trên thị trường.
- Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, có chính sách phù hợp giữ được người tài, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.

## II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2020

### 1. Nhiệm vụ chung

- Ban kiểm soát Công ty thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Trong năm 2020, Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát định kỳ hàng quý, thời gian cụ thể sẽ được thông báo tới Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các phòng ban chức năng chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trước ít nhất là 01 tuần. Ngoài ra nếu có dấu hiệu vi phạm chế độ và Điều lệ công ty Ban kiểm soát sẽ tiến hành làm việc kịp thời để có thông báo với Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

### 2. Nhiệm vụ cụ thể từng Quý

**a) Quý I**

- Thẩm định báo cáo Tài chính năm 2019.
- Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm 2019.
- Báo cáo quá trình hoạt động kiểm soát theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Báo cáo đánh giá quá trình quản lý công ty của Hội đồng quản trị và điều hành của Tổng giám đốc.

**b) Quý II**

- Thẩm định Báo cáo tài chính Quý I năm 2020, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I năm 2020.
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên đề ra.
- Xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư, các định mức đơn giá giao khoán, quy chế trả lương và các quy chế quy định khác theo đúng quy định của Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

**c) Quý III**

- Thẩm định Báo cáo tài chính Quý II năm 2020, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2020.
- Kiểm tra việc ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế..

**d) Quý IV**

- Thẩm định Báo cáo tài chính Quý III năm 2020, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2020.
- Kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư.
- Kiểm tra tình hình trả lương và chế độ cho người lao động, công tác thu hồi vốn, công nợ.



*TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2020*

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

Người đại diện theo pháp luật

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 0300405462 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM - QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

**LÊ VĂN NĂM**

Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

## MỤC LỤC


| NỘI DUNG | TRANG |
|---|---|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 2 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 3 - 4 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 5 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 6 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 7 - 28 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**
321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

| | |
|---|---|
| Ông Phạm Thanh Tùng | Chủ tịch |
| Ông Trần Thanh Văn | Thành viên |
| Ông Lê Văn Năm | Thành viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019) |
| Bà Lương Thị Anh Đào | Thành viên (từ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019) |
| Ông Nguyễn Văn Chung | Thành viên |
| Ông Shinichiro Ota | Thành viên |

**Ban Kiểm soát**

| | |
|---|---|
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh | Trưởng ban |
| Bà Trần Thị Kiều Ly | Thành viên |
| Bà Vũ Thị Mai Nhung | Thành viên |

**Ban Giám đốc**

| | |
|---|---|
| Ông Lê Văn Năm | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2020) |
| Ông Trần Thanh Văn | Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2020) |
| Ông Lê Văn Năm | Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật (từ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2020) |
| Ông Đào Ngọc Minh Tiến | Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh |

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

**Lê Văn Năm**
**Tổng Giám đốc**
*Ngày 17 tháng 3 năm 2020*

Deloitte.

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**
Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 7101 4555
Fax : +84 28 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Số: 0406 /VN1A-HC-BC

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
**Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2020, từ trang 3 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi xin lưu ý đến các điều chỉnh liên quan đến việc trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chinh kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước được đề cập tại Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

M.S.C.N: 0100712580-002-C.T.I.N.H.H
CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

**Lê Đình Tứ**
**Phó Tổng Giám đốc**
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0488-2018-001-1
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**
*Ngày 17 tháng 3 năm 2020*
*Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam*

**Nguyễn Tuấn Ngọc**
**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2110-2018-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019*

Đơn vị: VND

| | TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm (Trình bày lại) |
|---|---|---|---|---|---|
| **A.** | **TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** | | **1.771.470.476.714** | **1.579.809.579.393** |
| **I.** | **Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **4** | **186.481.253.593** | **106.946.601.326** |
| 1. | Tiền | 111 | | 141.247.146.439 | 106.946.601.326 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 112 | | 45.234.107.154 | - |
| **II.** | **Đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | **5** | **656.729.740.504** | **632.499.353.879** |
| 1. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 656.729.740.504 | 632.499.353.879 |
| **III.** | **Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | **142.888.444.563** | **119.237.008.245** |
| 1. | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 83.230.245.964 | 64.325.554.444 |
| 2. | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 27.391.535.423 | 16.320.634.099 |
| 3. | Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 32.806.005.575 | 38.566.012.983 |
| 4. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 9 | (559.800.418) | (838.334) |
| 5. | Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 20.458.019 | 25.645.053 |
| **IV.** | **Hàng tồn kho** | **140** | **10** | **737.093.716.679** | **671.136.233.383** |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | | 752.684.964.176 | 675.704.759.454 |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (15.591.247.497) | (4.568.526.071) |
| **V.** | **Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | | **48.277.321.375** | **49.990.382.560** |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 2.828.088.073 | 1.656.207.702 |
| 2. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 45.449.233.302 | 48.334.174.858 |
| **B.** | **TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** | | **711.273.921.029** | **710.084.009.633** |
| **I.** | **Các khoản phải thu dài hạn** | **210** | | **6.658.733.987** | **7.666.265.240** |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | 5.552.843.775 | 8.302.006.723 |
| 2. | Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | 1.657.935.376 | 603.861.245 |
| 3. | Phải thu dài hạn khác | 216 | 8 | 2.771.200.000 | 3.071.200.000 |
| 4. | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | 9 | (3.323.245.164) | (4.310.802.728) |
| **II.** | **Tài sản cố định** | **220** | | **571.256.987.857** | **542.049.258.980** |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 348.891.560.781 | 312.584.650.554 |
| | *- Nguyên giá* | *222* | | *1.035.299.631.898* | *936.593.445.752* |
| | *- Giá trị hao mòn lũy kế* | *223* | | *(686.408.071.117)* | *(624.008.795.198)* |
| 2. | Tài sản cố định vô hình | 227 | 13 | 222.365.427.076 | 229.464.608.426 |
| | *- Nguyên giá* | *228* | | *262.770.870.706* | *262.770.870.706* |
| | *- Giá trị hao mòn lũy kế* | *229* | | *(40.405.443.630)* | *(33.306.262.280)* |
| **III.** | **Tài sản dở dang dài hạn** | **240** | **15** | **45.524.928.011** | **80.467.247.065** |
| 1. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 45.524.928.011 | 80.467.247.065 |
| **IV.** | **Đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | **16** | **32.500.000.000** | **32.500.000.000** |
| 1. | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 32.500.000.000 | 32.500.000.000 |
| **V.** | **Tài sản dài hạn khác** | **260** | | **55.333.271.174** | **47.401.238.348** |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11 | 22.250.366.085 | 16.200.556.586 |
| 2. | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 17 | 6.030.112.396 | 5.248.994.776 |
| 3. | Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | 27.052.792.693 | 25.951.686.986 |
| | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)** | **270** | | **2.482.744.397.743** | **2.289.893.589.026** |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019*

Đơn vị: VND

| | NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm (Trình bày lại) |
|---|---|---|---|---|---|
| **C.** | **NỢ PHẢI TRẢ** | **300** | | **1.814.305.526.581** | **1.679.068.228.319** |
| **I.** | **Nợ ngắn hạn** | **310** | | **1.735.679.601.937** | **1.629.688.113.597** |
| 1. | Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 18 | 219.520.294.956 | 107.963.169.943 |
| 2. | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 19 | 24.933.996.672 | 61.632.662.595 |
| 3. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 14 | 13.563.461.160 | 13.951.952.301 |
| 4. | Phải trả người lao động | 314 | | 77.937.248.842 | 66.288.465.252 |
| 5. | Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 20 | 24.441.158.767 | 97.042.571.713 |
| 6. | Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 21 | 5.455.641.776 | 5.643.925.901 |
| 7. | Vay ngắn hạn | 320 | 22 | 1.355.990.123.377 | 1.264.064.005.414 |
| 8. | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 23 | 9.090.947.990 | 10.190.195.334 |
| 9. | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 25 | 4.746.728.397 | 2.911.165.144 |
| **II.** | **Nợ dài hạn** | **330** | | **78.625.924.644** | **49.380.114.722** |
| 1. | Phải trả người bán dài hạn | 331 | | 6.531.292.532 | 412.370.575 |
| 2. | Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | 169.632.112 | 579.656.279 |
| 3. | Phải trả dài hạn khác | 337 | | 420.000.000 | 420.000.000 |
| 4. | Vay dài hạn | 338 | 24 | 71.505.000.000 | 47.968.087.868 |
| **D.** | **VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** | | **668.438.871.162** | **610.825.360.707** |
| **I.** | **Vốn chủ sở hữu** | **410** | **26** | **668.438.871.162** | **610.825.360.707** |
| 1. | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 464.717.070.000 | 464.717.070.000 |
| | *- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | *411a* | | *464.717.070.000* | *464.717.070.000* |
| 2. | Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 1.584.699.224 | 1.584.699.224 |
| 3. | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 83.280.322.025 | 35.909.356.110 |
| 4. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 118.856.779.913 | 108.614.235.373 |
| | *- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước* | *421a* | | *21.869.393.986* | *9.355.514.350* |
| | *- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay* | *421b* | | *96.987.385.927* | *99.258.721.023* |
| | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)** | **440** | | **2.482.744.397.743** | **2.289.893.589.026** |

| Nguyễn Văn Diệp | Nguyễn Duy Hưng | Lê Văn Năm |
|---|---|---|
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng Giám đốc** |
| | | *Ngày 17 tháng 3 năm 2020* |

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019*

Đơn vị:VND

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại) |
|---|---|---|---|---|---|
| **1.** | **Doanh thu bán hàng** | **01** | **29** | **3.541.175.254.529** | **3.273.582.660.916** |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 29 | 462.188.459.375 | 234.278.769.710 |
| **3.** | **Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)** | **10** | | **3.078.986.795.154** | **3.039.303.891.206** |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | 30 | 2.617.216.890.022 | 2.528.070.915.560 |
| **5.** | **Lợi nhuận gộp (20=10-11)** | **20** | | **461.769.905.132** | **511.232.975.646** |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 32 | 55.435.810.762 | 52.803.112.475 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | 33 | 63.524.083.220 | 58.059.128.727 |
| | *- Trong đó: Chi phí lãi vay* | *23* | | *58.854.664.231* | *43.633.978.476* |
| 8. | Chi phí bán hàng | 25 | 34 | 195.200.412.342 | 244.810.868.089 |
| 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 34 | 52.335.316.115 | 51.206.951.837 |
| **10.** | **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))** | **30** | | **206.145.904.217** | **209.959.139.468** |
| 11. | Thu nhập khác | 31 | 35 | 10.572.027.420 | 1.770.269.234 |
| 12. | Chi phí khác | 32 | 36 | 4.736.829.287 | 566.267.484 |
| **13.** | **Lợi nhuận khác (40=31-32)** | **40** | | **5.835.198.133** | **1.204.001.750** |
| **14.** | **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)** | **50** | | **211.981.102.350** | **211.163.141.218** |
| 15. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 37 | 46.067.273.543 | 39.901.455.720 |
| 16. | (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | 37 | (781.117.620) | 2.295.403.975 |
| **17.** | **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)** | **60** | | **166.694.946.427** | **168.966.281.523** |
| 18. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | 38 | 3.228 | 3.289 |

M.S.D.N:0300405462-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

| | | |
|---|---|---|
| **Nguyễn Văn Diệp** | **Nguyễn Duy Hưng** | **Lê Văn Năm** |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng Giám đốc** |
| | | *Ngày 17 tháng 3 năm 2020* |

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019*

Đơn vị: VND

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại) |
|---|---|---|---|---|
| **I.** | **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | |
| ***1.*** | ***Lợi nhuận trước thuế*** | ***01*** | ***211.981.102.350*** | ***211.163.141.218*** |
| ***2.*** | ***Điều chỉnh cho các khoản:*** | | | |
| | Khấu hao tài sản cố định | 02 | 86.202.705.545 | 87.214.278.579 |
| | Các khoản dự phòng | 03 | 9.494.878.602 | (17.780.501.851) |
| | Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 97.072.692 | (962.644.716) |
| | Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (47.078.053.345) | (50.027.112.731) |
| | Chi phí lãi vay | 06 | 58.854.664.231 | 43.633.978.476 |
| ***3.*** | ***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*** | ***08*** | ***319.552.370.075*** | ***273.241.138.975*** |
| | Thay đổi các khoản phải thu | 09 | (23.725.244.070) | (15.542.953.926) |
| | Thay đổi hàng tồn kho | 10 | (78.081.310.429) | (20.326.591.331) |
| | Thay đổi các khoản phải trả | 11 | 97.209.449.679 | (32.864.017.470) |
| | Thay đổi chi phí trả trước | 12 | (7.221.689.870) | 642.167.682 |
| | Tiền lãi vay đã trả | 14 | (63.700.876.093) | (37.712.134.325) |
| | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (39.620.887.199) | (42.618.904.382) |
| | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (14.302.458.719) | (22.783.865.953) |
| | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** | ***190.109.353.374*** | ***102.034.839.270*** |
| **II.** | **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| 1. | Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ | 21 | (164.626.196.216) | (179.491.260.530) |
| 2. | Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 22 | 858.506.818 | 551.731.273 |
| 3. | Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (200.265.000.000) | (818.661.000.000) |
| 4. | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 218.237.648.820 | 639.008.948.014 |
| 5. | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 12.711.878.991 | 33.795.849.366 |
| | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***30*** | ***(133.083.161.587)*** | ***(324.795.731.877)*** |
| **III.** | **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| 1. | Tiền thu từ đi vay | 33 | 2.957.687.767.898 | 3.080.089.109.070 |
| 2. | Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (2.841.754.482.424) | (2.577.891.013.867) |
| 3. | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (92.943.414.000) | (209.118.436.425) |
| | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***40*** | ***22.989.871.474*** | ***293.079.658.778*** |
| | **Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)** | **50** | **80.016.063.261** | **70.318.766.171** |
| | **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** | **106.946.601.326** | **36.864.427.848** |
| | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (481.410.994) | (236.592.693) |
| | **Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)** | **70** | **186.481.253.593** | **106.946.601.326** |

| | | |
|---|---|---|
| **Nguyễn Văn Diệp** | **Nguyễn Duy Hưng** | **Lê Văn Năm** |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng Giám đốc** |
| | | *Ngày 17 tháng 3 năm 2020* |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 09 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 17) ngày 30 tháng 01 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.179 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.204 người).

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có văn phòng chính tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 03 xí nghiệp sản xuất ắc quy và 01 xí nghiệp sản xuất pin đặt tại thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai; 02 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng.

### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và đã được trình bày lại như đã nêu tại Thuyết minh số 42.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Số năm |
|---|---|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 3 - 12 |
| Phương tiện vận tải | 6 - 1 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 5 |
| Tài sản cố định khác | 5 - 8 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản vô hình và khấu hao**

Tài sản vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giá trị phần mềm máy tính, và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm. Tài sản cố định vô hình khác là phí chuyển giao công nghệ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Phân phối quỹ và phân chia cổ tức**

Phân chia cổ tức cho các cổ đông Công ty được ghi nhận như là khoản công nợ trên báo cáo tài chính của Công ty trong năm với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông Công ty.

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi phương án chia lợi nhuận được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

## 4. TIỀN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Tiền mặt | 1.347.698.234 | 1.066.920.876 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 139.899.448.205 | 105.879.680.450 |
| Các khoản tương đương tiền | 45.234.107.154 | - |
| | **186.481.253.593** | **106.946.601.326** |

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất dao động từ 5,00%/năm đến 5,50%/năm.

## 5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất dao động từ 5,00%/năm đến 8,50%/năm (năm 2018: từ 6,70%/năm đến 9,50%/năm).

## 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Ông Chea Se | 16.318.777.115 | 22.319.737.960 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ôtô Du Lịch Trường Hải - Kia | 7.966.263.800 | 4.179.127.700 |
| Win Cherry Company Limited | 7.128.820.337 | - |
| Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam | 6.410.457.164 | 5.111.633.197 |
| Công ty TNHH Ắc quy Vĩnh Phúc | 6.347.673.200 | 8.391.832.900 |
| Công ty Faith Chemical Enterprises | 4.170.190.698 | 1.471.742.103 |
| Công ty TNHH MTV Sản xuất & Lắp ráp Ô tô tải Chu Lai - Trường Hải | 4.003.432.752 | 2.115.292.192 |
| Các khách hàng khác | 30.884.630.898 | 20.736.188.392 |
| | **83.230.245.964** | **64.325.554.444** |

## 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Sorin Corporation | 9.607.739.646 | - |
| Wirtz Manufacturing Co. | 3.215.620.947 | 346.407.932 |
| Công ty TNHH MTV H.M.L | 2.015.996.789 | - |
| Kae Lii Machine Mfg. Co., Ltd. | - | 1.702.468.200 |
| Mitsui & Co. (Asia Pacific) Pte Ltd | 2.140.904.064 | 1.894.922.640 |
| Weifang Dongfangsheng Chemical Industry Co., Ltd. | - | 3.015.079.024 |
| Khác | 10.411.273.977 | 9.361.756.303 |
| | **27.391.535.423** | **16.320.634.099** |

## 8. PHẢI THU KHÁC

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| **a. Ngắn hạn** | | |
| Phải thu lãi tiền gửi | 30.557.284.925 | 34.794.425.335 |
| Tạm ứng cho nhân viên | 1.983.167.467 | 3.664.273.642 |
| Phải thu khác | 265.553.183 | 107.314.006 |
| | **32.806.005.575** | **38.566.012.983** |
| **b. Dài hạn** | | |
| Ký quỹ | 2.771.200.000 | 3.071.200.000 |

## 9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| **a. Ngắn hạn** | | | | | | |
| Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO | 1.039.283.520 | 727.498.464 | 311.785.056 | - | - | - |
| Công ty TNHH Ford Việt Nam | 612.139.990 | 428.497.993 | 183.641.997 | - | - | - |
| Công ty TNHH KAE IOU | 137.477.512 | 96.234.258 | 41.243.254 | - | - | - |
| Công Ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam) | 43.932.199 | 30.752.539 | 13.179.660 | 2.794.445 | 1.956.112 | 838.334 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ôtô Du Lịch Trường Hải - Kia | 28.727.820 | 20.109.474 | 8.618.346 | - | - | - |
| Khác | 4.440.352 | 3.108.247 | 1.332.105 | - | - | - |
| | **1.866.001.393** | **1.306.200.975** | **559.800.418** | **2.794.445** | **1.956.112** | **838.334** |
| **b. Dài hạn** | | | | | | |
| Công ty TNHH Faith Chemicals | 3.806.514.486 | 1.404.908.649 | 2.401.605.837 | 7.626.873.816 | 3.813.436.908 | 3.813.436.908 |
| Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO | 1.213.468.080 | 606.734.040 | 606.734.040 | - | - | - |
| Khác | 328.352.082 | 13.446.795 | 314.905.287 | 675.132.907 | 177.767.087 | 497.365.820 |
| | **5.348.334.648** | **2.025.089.484** | **3.323.245.164** | **8.302.006.723** | **3.991.203.995** | **4.310.802.728** |
| | **7.214.336.041** | **3.331.290.459** | **3.883.045.582** | **8.304.801.168** | **3.993.160.107** | **4.311.641.062** |

## 10. HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối năm | | Số đầu năm (Trình bày lại) | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| **a. Ngắn hạn** | | | | |
| Hàng mua đang đi đường | 161.842.158.166 | - | 26.394.030.811 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 242.673.021.577 | - | 250.251.249.541 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 11.819.841.886 | - | 7.259.932.637 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 160.227.659.356 | - | 140.806.861.454 | - |
| Thành phẩm | 175.622.099.177 | (6.106.909.839) | 250.809.773.989 | (4.568.526.071) |
| Hàng hoá | 500.184.014 | - | 182.911.022 | - |
| | **752.684.964.176** | **(6.106.909.839)** | **675.704.759.454** | **(4.568.526.071)** |
| **b. Dài hạn** | | | | |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 27.052.792.693 | (9.484.337.658) | 25.951.686.986 | - |
| | **27.052.792.693** | **(9.484.337.658)** | **25.951.686.986** | **-** |

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

| | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm (Trình bày lại)<br>VND |
|---|---|---|
| Số dư đầu năm | 4.568.526.071 | 26.185.888.269 |
| Trích lập trong năm | 11.022.721.426 | - |
| Hoàn nhập trong năm | - | (21.617.362.198) |
| **Số dư cuối năm** | **15.591.247.497** | **4.568.526.071** |

## 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn gồm các loại máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng và thời gian phân bổ trên 01 năm đến 03 năm.

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng và vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Thiết bị văn phòng | Phương tiện vận tải | Khác | Tổng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| **NGUYÊN GIÁ** | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 160.330.469.100 | 731.100.300.740 | 12.546.562.273 | 30.344.946.085 | 2.271.167.554 | 936.593.445.752 |
| Tăng trong năm | 456.752.273 | 2.854.024.216 | - | 222.800.000 | 56.900.000 | 3.590.476.489 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 18.251.614.834 | 94.977.454.961 | 1.041.605.637 | 1.432.000.000 | 575.510.000 | 116.278.185.432 |
| Thanh lý, nhượng bán | (593.695.564) | (7.994.546.719) | (333.104.281) | (488.181.400) | - | (9.409.527.964) |
| Giảm khác | - | (11.752.947.811) | - | - | - | (11.752.947.811) |
| Số dư cuối năm | 178.445.140.643 | 809.184.285.387 | 13.255.063.629 | 31.511.564.685 | 2.903.577.554 | 1.035.299.631.898 |
| **GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ** | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 87.113.320.536 | 505.852.866.591 | 10.248.304.832 | 19.032.151.571 | 1.762.151.668 | 624.008.795.198 |
| Khấu hao trong năm | 10.810.337.978 | 64.842.233.309 | 667.678.465 | 2.413.481.048 | 369.793.395 | 79.103.524.195 |
| Thanh lý, nhượng bán | (593.695.564) | (7.994.546.719) | (333.104.281) | (488.181.400) | - | (9.409.527.964) |
| Giảm khác | - | (7.294.720.312) | - | - | - | (7.294.720.312) |
| Số dư cuối năm | 97.329.962.950 | 555.405.832.869 | 10.582.879.016 | 20.957.451.219 | 2.131.945.063 | 686.408.071.117 |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | | | | |
| **Tại ngày đầu năm** | **73.217.148.564** | **225.247.434.149** | **2.298.257.441** | **11.312.794.514** | **509.015.886** | **312.584.650.554** |
| **Tại ngày cuối năm** | **81.115.177.693** | **253.778.452.518** | **2.672.184.613** | **10.554.113.466** | **771.632.491** | **348.891.560.781** |

Nguyên giá của tài sản hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 394.984.286.528 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 259.174.294.157 đồng).

## 13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Khác | Tổng |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND |
| **NGUYÊN GIÁ** | | | | |
| Số dư đầu năm (Trình bày lại) | 247.954.936.198 | 9.597.155.852 | 5.218.778.656 | 262.770.870.706 |
| Số dư cuối năm | 247.954.936.198 | 9.597.155.852 | 5.218.778.656 | 262.770.870.706 |
| **GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ** | | | | |
| Số dư đầu năm (Trình bày lại) | 22.287.120.965 | 5.921.642.683 | 5.097.498.632 | 33.306.262.280 |
| Khấu hao trong năm | 5.572.058.509 | 1.405.842.817 | 121.280.024 | 7.099.181.350 |
| Số dư cuối năm | 27.859.179.474 | 7.327.485.500 | 5.218.778.656 | 40.405.443.630 |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | | |
| **Tại ngày đầu năm (Trình bày lại)** | **225.667.815.233** | **3.675.513.169** | **121.280.024** | **229.464.608.426** |
| **Tại ngày cuối năm** | **220.095.756.724** | **2.269.670.352** | **-** | **222.365.427.076** |

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 10.765.306.660 đồng (31 tháng 12 năm 2018: 6.525.748.004 đồng).

## 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số đầu năm (Trình bày lại) | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | 7.386.557.659 | 120.441.698.859 | 127.828.256.518 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 660.355.818 | 7.094.767.987 | 5.999.253.406 | 1.755.870.399 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.775.091.694 | 46.067.273.543 | 39.620.887.199 | 13.221.478.038 |
| Tiền thuê đất và thuế khác | (870.052.870) | 4.252.483.048 | 4.796.317.455 | (1.413.887.277) |
| | **13.951.952.301** | **177.856.223.437** | **178.244.714.578** | **13.563.461.160** |

## 15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Máy móc thiết bị | 41.230.983.930 | 69.260.339.085 |
| Xây dựng cơ bản | 4.293.944.081 | 11.206.907.980 |
| | **45.524.928.011** | **80.467.247.065** |

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 80.467.247.065 | 14.861.518.602 |
| Tăng trong năm | 93.917.657.160 | 284.793.608.663 |
| Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình và vô hình | (116.278.185.432) | (211.338.603.055) |
| Kết chuyển sang chi phí trả trước | (12.581.790.782) | (7.849.277.145) |
| **Số dư cuối năm** | **45.524.928.011** | **80.467.247.065** |

## 16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| **Đầu tư vào công ty liên kết** | | | | |
| Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát | 32.500.000.000 | - | 32.500.000.000 | - |

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

| Tên công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Hoạt động chính |
|---|---|---|---|---|
| **Công ty liên kết** | | | | |
| Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát | Thành phố Hồ Chí Minh | 26,00 | 26,00 | Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Giám đốc Công ty không trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư trên do báo cáo tài chính của công ty liên kết phát sinh khoản lỗ không đáng kể.

## 17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 20% | 20% |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 6.030.112.396 | 5.248.994.776 |
| **Tài sản thuế thu nhập hoãn lại** | **6.030.112.396** | **5.248.994.776** |

## 18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | VND | | VND | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| **a. Phải trả người bán là bên thứ ba** | | | | |
| Trafigura Pte Ltd | 104.033.236.640 | 104.033.236.640 | - | - |
| Thai United Industry Co., Ltd. | 22.704.010.502 | 22.704.010.502 | 6.401.513.210 | 6.401.513.210 |
| Công ty TNHH Thye Ming (Việt Nam) | 6.291.528.899 | 6.291.528.899 | 17.040.768.853 | 17.040.768.853 |
| Phải trả các khách hàng khác | 85.328.452.615 | 85.328.452.615 | 82.304.643.300 | 82.304.643.300 |
| | **218.357.228.656** | **218.357.228.656** | **105.746.925.363** | **105.746.925.363** |
| **b. Phải trả người bán là các bên liên quan** | | | | |
| (Thuyết minh số 40) | 1.163.066.300 | 1.163.066.300 | 2.216.244.580 | 2.216.244.580 |
| | **1.163.066.300** | **1.163.066.300** | **2.216.244.580** | **2.216.244.580** |
| | **219.520.294.956** | **219.520.294.956** | **107.963.169.943** | **107.963.169.943** |

## 19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Ghaznawyan Trading Group | 1.281.705.075 | 5.095.348.700 |
| Các khách hàng khác | 23.652.291.597 | 56.537.313.895 |
| | **24.933.996.672** | **61.632.662.595** |

## 20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 1.579.068.047 | 6.425.279.909 |
| Chiết khấu, chi phí bán hàng phải trả cho nhà phân phối | 18.815.370.710 | 4.860.002.033 |
| Chi phí vận chuyển | 2.508.700.255 | 5.105.158.415 |
| Chi phí phải trả khác | 1.538.019.755 | 80.652.131.356 |
| | **24.441.158.767** | **97.042.571.713** |

## 21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Cổ tức phải trả | 17.087.040 | 16.967.340 |
| Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN | 1.889.050.464 | 1.759.395.766 |
| Phải trả khác | 3.549.504.272 | 3.867.562.795 |
| | **5.455.641.776** | **5.643.925.901** |

## 22. VAY NGẮN HẠN

| | Số đầu năm | | Trong năm | | Số cuối năm | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | VND | | VND | | VND | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngân hàng (*) | 1.223.564.005.414 | 1.223.564.005.414 | 2.901.680.600.387 | 2.821.754.482.424 | 1.303.490.123.377 | 1.303.490.123.377 |
| Vay khác (**) | 32.500.000.000 | 32.500.000.000 | - | - | 32.500.000.000 | 32.500.000.000 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 8.000.000.000 | 8.000.000.000 | 32.000.000.000 | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| | **1.264.064.005.414** | **1.264.064.005.414** | **2.933.680.600.387** | **2.841.754.482.424** | **1.355.990.123.377** | **1.355.990.123.377** |

(*) Đây là các khoản vay tín chấp không cần tài sản đảm bảo với thời hạn từ 04 tháng đến 01 năm. Chi tiết cụ thể như sau:

| Tên ngân hàng | Loại tiền | Lãi suất (năm) | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| | | | VND | VND |
| Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam | VND | 5,4% | 70.258.060.703 | 5.723.320.701 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | VND | 5,5% - 5,7% | 226.614.415.070 | 182.538.174.757 |
| | USD | 3,8% - 4,2% | 145.767.083.155 | 141.116.364.691 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội | USD | - | - | 95.138.302.384 |
| | VND | 3,8% - 4,9% | 18.999.949.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | VND | 5,6% - 7,9% | 402.031.778.909 | 312.232.053.143 |
| | USD | 3,8% | 84.917.300.539 | 340.656.778.832 |
| Ngân hàng TMCP Á Châu | VND | - | - | 22.085.967.657 |
| | USD | 3,3% - 4,6% | 187.872.518.448 | 30.785.580.595 |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam | USD | 3,63% - 3,88% | 69.660.000.000 | 46.470.000.000 |
| Ngân hàng Siam Bank Việt Nam | VND | 5,35% - 5,5% | 97.369.017.553 | - |
| Ngân hàng TNHH Standard Chartered (Việt Nam) | VND | - | - | 28.817.462.654 |
| Người lao động Công ty CP Pin Ắc Quy Miền Nam | VND | - | - | 18.000.000.000 |
| | | | **1.303.490.123.377** | **1.223.564.005.414** |

(**) Đây là khoản vay ngắn hạn tín chấp không lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát.

## 23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện chi phí bảo hành sản phẩm được tính toán dựa trên số liệu thống kê về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các năm và chi phí bảo hành trung bình cho một sản phẩm.

## 24. VAY DÀI HẠN

| | Số đầu năm | Trong năm | | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | | VND |
| | | Tăng | Giảm | |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 47.968.087.868 | 55.536.912.132 | 32.000.000.000 | 71.505.000.000 |

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 0157/1838/D-TL với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức tối đa là 111.505.000.000 đồng nhằm mục đích thanh toán cho tiền thuê đất ở Khu Công nghiệp An Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai. Khoản nợ gốc này sẽ được trả mỗi 3 tháng bắt đầu từ ngày ký hợp đồng vay đến ngày 15 tháng 11 năm 2024 (72 tháng). Lãi suất cho vay được thỏa thuận theo từng giấy nhận nợ, lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 9,1%/năm. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21 tờ bản đồ 67 Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có khoản vay dài hạn là 91.505.000.000 đồng.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 20.000.000.000 | 8.000.000.000 |
| Trong năm thứ hai | 20.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | 36.000.000.000 | 35.968.087.868 |
| Sau năm năm | 15.505.000.000 | - |
| | **91.505.000.000** | **55.968.087.868** |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn) | (20.000.000.000) | (8.000.000.000) |
| **Số phải trả sau 12 tháng** | **71.505.000.000** | **47.968.087.868** |

## 25. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Số dư đầu năm** | **2.911.165.144** | **6.418.184.456** |
| Tăng trong năm | 16.138.021.972 | 19.276.846.641 |
| Giảm trong năm | (14.302.458.719) | (22.783.865.953) |
| **Số dư cuối năm** | **4.746.728.397** | **2.911.165.144** |

## 26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Vốn cổ phần đã phát hành

| Cổ phiếu | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 46.471.707 | 46.471.707 |
| *Cổ phiếu phổ thông* | *46.471.707* | *46.471.707* |
| *Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 46.471.707 | 46.471.707 |
| *Cổ phiếu phổ thông* | *46.471.707* | *46.471.707* |
| *Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |
| Mệnh giá - đồng/ cổ phần | 10.000 | 10.000 |
| **Giá trị - đồng** | **464.717.070.000** | **464.717.070.000** |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Chi tiết vốn góp của cổ đông như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | VND | % | VND | % |
| Tập đoàn Hoá chất Việt Nam | 238.982.730.000 | 51,43 | 238.982.730.000 | 51,43 |
| The Furukawa Battery Co., Ltd. | 48.997.080.000 | 10,54 | 48.997.080.000 | 10,54 |
| Phần vốn của các đối tượng khác | 176.737.260.000 | 38,03 | 176.737.260.000 | 38,03 |
| | **464.717.070.000** | **100** | **464.717.070.000** | **100** |

Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 464.717.070.000 | 1.584.699.224 | 12.134.194.059 | 191.822.644.042 | 670.258.607.325 |
| Lợi nhuận trong năm (Trình bày lại) | - | - | - | 168.966.281.523 | 168.966.281.523 |
| Trích Quỹ đầu tư và phát triển | - | - | 23.775.162.051 | (23.775.162.051) | - |
| Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | (19.276.846.641) | (19.276.846.641) |
| Chia cổ tức | - | - | - | (209.122.681.500) | (209.122.681.500) |
| **Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)** | **464.717.070.000** | **1.584.699.224** | **35.909.356.110** | **108.614.235.373** | **610.825.360.707** |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 166.694.946.427 | 166.694.946.427 |
| Trích Quỹ đầu tư và phát triển (*) | - | - | 47.370.965.915 | (47.370.965.915) | - |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | - | - | (16.138.021.972) | (16.138.021.972) |
| Chia cổ tức (**) | - | - | - | (92.943.414.000) | (92.943.414.000) |
| **Số dư cuối năm nay** | **464.717.070.000** | **1.584.699.224** | **83.280.322.025** | **118.856.779.913** | **668.438.871.162** |

(*) Các quỹ được trích lập căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 số 191/PA-HĐQT ngày 22 tháng 4 năm 2019.

(**) Trong năm, Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức đợt 3 năm 2018, tạm ứng cổ tức năm 2019 với tỷ lệ lần lượt là 5% và 15% trên mệnh giá cổ phiếu theo Nghị quyết số 191/PA-HĐQT ngày 22 tháng 4 năm 2019 nêu trên.

## 27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Ngoại tệ các loại** | | |
| Đô la Mỹ (USD) | 147.806 | 778.983 |
| Euro (EUR) | 292 | 303 |

## 28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:**

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("Xuất khẩu"). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán do tài sản cố định được sử dụng chung để sản xuất hàng xuất khẩu và bán trong nước và không đủ cơ sở để chia tách.

Doanh thu dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:

| | Năm trước | Năm nay (Trình bày lại) |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Doanh thu thuần trong nước | 2.494.859.265.476 | 2.531.319.705.093 |
| Doanh thu thuần xuất khẩu | 584.127.529.678 | 507.984.186.113 |
| **Tổng doanh thu thuần** | **3.078.986.795.154** | **3.039.303.891.206** |

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Hoạt động sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

## 29. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

| | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại) |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Doanh thu** | | |
| Doanh thu pin và ắc quy | 3.541.175.254.529 | 3.273.582.660.916 |
| **Các khoản giảm trừ doanh thu** | | |
| Chiết khấu thương mại | 460.141.777.732 | 231.725.672.528 |
| Hàng bán bị trả lại | 2.046.681.643 | 2.553.097.182 |
| | **462.188.459.375** | **234.278.769.710** |
| **Doanh thu thuần** | **3.078.986.795.154** | **3.039.303.891.206** |

## 30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại) |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 2.606.194.168.596 | 2.549.688.277.758 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 11.022.721.426 | (21.617.362.198) |
| | **2.617.216.890.022** | **2.528.070.915.560** |

## 31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm nay<br>VND | Năm trước (Trình bày lại)<br>VND |
|---|---|---|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.050.486.817.450 | 2.182.789.387.497 |
| Chi phí nhân công | 275.956.816.599 | 256.780.810.007 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 86.202.705.545 | 87.214.278.579 |
| Chi phí khác bằng tiền | 355.191.852.830 | 289.129.057.547 |
| | **2.767.838.192.424** | **2.815.913.533.630** |

## 32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|---|---|---|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 50.677.774.026 | 49.475.381.458 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 4.758.036.736 | 3.327.686.017 |
| Chiết khấu thanh toán | - | 45.000 |
| | **55.435.810.762** | **52.803.112.475** |

## 33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|---|---|---|
| Lãi tiền vay | 58.854.664.231 | 43.633.978.476 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 4.669.418.989 | 14.425.150.251 |
| | **63.524.083.220** | **58.059.128.727** |

## 34. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm nay<br>VND | Năm trước (Trình bày lại)<br>VND |
|---|---|---|
| **Chi phí quản lý doanh nghiệp** | | |
| Chi phí nhân viên quản lý | 24.792.886.987 | 24.544.972.217 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.210.435.234 | 1.589.566.378 |
| Chi phí khấu hao | 2.029.209.759 | 2.928.933.807 |
| Chi phí dự phòng phải thu | (428.595.480) | 1.557.017.664 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.960.496.736 | 14.713.308.810 |
| Chi phí khác | 12.770.882.879 | 5.873.152.961 |
| | **52.335.316.115** | **51.206.951.837** |
| **Chi phí bán hàng** | | |
| Chi phí nhân viên | 34.327.402.617 | 33.438.824.825 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 989.997.447 | 39.272.962 |
| Chi phí khấu hao | 3.067.492.587 | 1.564.112.929 |
| Chi phí bảo hành | 17.820.409.890 | 20.148.137.390 |
| Chi phí quảng cáo | 37.296.465.733 | 37.230.678.618 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 49.909.482.317 | 46.944.400.810 |
| Chi phí khác | 51.789.161.751 | 105.445.440.555 |
| | **195.200.412.342** | **244.810.868.089** |

## 35. THU NHẬP KHÁC

| | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|---|---|---|
| Tiền thu từ bồi thường hợp đồng | 557.672.780 | 161.354.851 |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 858.506.818 | 551.731.273 |
| Bảo hiểm bồi thường | 7.000.000.000 | - |
| Thu nhập khác | 2.155.847.822 | 1.057.183.110 |
| | **10.572.027.420** | **1.770.269.234** |

## 36. CHI PHÍ KHÁC

| | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|---|---|---|
| Chi phí tài sản cháy | 4.458.227.499 | - |
| Các khoản khác | 278.601.788 | 566.267.484 |
| | **4.736.829.287** | **566.267.484** |

## 37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | Năm nay<br>VND | Năm trước (Trình bày lại)<br>VND |
|---|---|---|
| **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 44.140.702.924 | 40.178.963.134 |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | 1.926.570.619 | (277.507.414) |
| **Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** | **46.067.273.543** | **39.901.455.720** |

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

| | Năm nay<br>VND | Năm trước (Trình bày lại)<br>VND |
|---|---|---|
| Lợi nhuận trước thuế | 211.981.102.350 | 211.163.141.218 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| *Trừ: Thu nhập không chịu thuế* | - | (20.665.521.580) |
| *Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ* | 8.722.412.268 | 10.397.196.034 |
| **Thu nhập chịu thuế năm hiện hành** | **220.703.514.618** | **200.894.815.672** |
| Thuế suất | 20% | 20% |
| **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành** | **44.140.702.924** | **40.178.963.134** |

| | Năm nay<br>VND | Năm trước (Trình bày lại)<br>VND |
|---|---|---|
| **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại** | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | | 2.295.403.975 |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | (781.117.620) | |
| **Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại** | **(781.117.620)** | **2.295.403.975** |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (2018: 20%) trên thu nhập chịu thuế.

## 38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm nay<br>VND | Năm trước (Trình bày lại)<br>VND |
|---|---|---|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 166.694.946.427 | 168.966.281.523 |
| Điều chỉnh: số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | (16.669.494.643) | (16.138.021.972) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 150.025.451.784 | 152.828.259.551 |
| Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 46.471.707 | 46.471.707 |
| **Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | **3.228** | **3.289** |

(*) Cho mục đích tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019, Công ty tạm tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế căn cứ vào điều lệ Công ty và mức trích lập được phê duyệt của năm 2019.

## 39. CÁC KHOẢN CAM KẾT

### Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
|---|---|---|
| Trong vòng một năm | 1.465.745.455 | 1.578.894.545 |
| Từ hai đến năm năm | 969.600.000 | 1.200.000.000 |
| | **2.435.345.455** | **2.778.894.545** |

### Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
|---|---|---|
| Máy móc và thiết bị | 13.970.286.942 | 17.160.780.410 |
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 6.259.010.163 | 4.994.943.870 |
| Hệ thống điện | 2.231.793.873 | 2.789.742.341 |
| Khác | 237.500.000 | 210.000.000 |
| | **22.698.590.978** | **25.155.466.621** |

## 40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

### Danh sách các bên liên quan:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Tập đoàn Hoá chất Việt Nam | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam | Cùng tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn | Cùng tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang | Cùng tập đoàn |
| The Furukawa Battery Co., Ltd. | Cổ đông lớn |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Mua hàng** | | |
| Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam | 20.693.708.530 | 20.786.332.490 |
| Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn | 421.006.300 | 391.102.250 |
| Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang | 2.405.138.951 | 2.161.437.340 |
| The Furukawa Battery Co., Ltd. | - | 68.971.550 |
| | **23.519.853.781** | **23.407.843.630** |
| **Chi trả cổ tức** | | |
| Tập đoàn Hoá chất Việt Nam | 47.796.546.000 | 107.542.228.500 |
| The Furukawa Battery Co., Ltd. | 9.799.416.000 | 22.048.686.000 |
| | **57.595.962.000** | **129.590.914.500** |
| **Phí bản quyền trả cho** | | |
| The Furukawa Battery Co., Ltd. | - | 1.400.700.000 |
| | **-** | **1.400.700.000** |

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Các khoản phải thu** | | |
| Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam | 1.132.849.300 | 2.207.169.580 |
| Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn | 30.217.000 | 9.075.000 |
| | **1.163.066.300** | **2.216.244.580** |

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Lương | 1.958.560.000 | 1.887.580.000 |

## 41. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 31.504.910.255 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 98.622.972.822 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 1.579.068.047 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 6.425.279.909 đồng), là số lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 30.557.284.925 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 34.794.425.335 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa được thu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

## 42. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU BÁO CÁO NĂM TRƯỚC

Trong năm 2019, Ban Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố một số số liệu báo cáo tài chính năm 2018 căn cứ theo yêu cầu tại Biên bản kiểm toán ngày 9 tháng 8 năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty. Chi tiết ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

| | Chỉ tiêu | Mã số | Số đầu năm (Số liệu đã báo cáo) VND | Số điều chỉnh VND | Số đầu năm (Trình bày lại) VND |
|---|---|---|---|---|---|
| | **TÀI SẢN** | | | | |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | (25.234.047.651) | 20.665.521.580 | (4.568.526.071) |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 1.600.534.992 | 55.672.710 | 1.656.207.702 |
| 2. | Tài sản cố định vô hình | 227 | 228.970.417.800 | 494.190.626 | 229.464.608.426 |
| | *- Nguyên giá* | *228* | *262.163.532.058* | *607.338.648* | *262.770.870.706* |
| | *- Giá trị hao mòn lũy kế* | *229* | *(33.193.114.258)* | *(113.148.022)* | *(33.306.262.280)* |
| 2. | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 9.382.099.092 | (4.133.104.316) | 5.248.994.776 |
| | **NGUỒN VỐN** | | | | |
| 3. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 7.932.733.507 | 6.019.218.794 | 13.951.952.301 |
| 4. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 97.551.173.567 | 11.063.061.806 | 108.614.235.373 |
| | *- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay* | *421b* | *88.195.659.217* | *11.063.061.806* | *99.258.721.023* |

**Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

| | Chỉ tiêu | Mã số | Năm trước (Số liệu đã báo cáo) VND | Số điều chỉnh VND | Năm trước (Trình bày lại) VND |
|---|---|---|---|---|---|
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 308.144.346.302 | (73.865.576.592) | 234.278.769.710 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | 2.549.230.627.766 | (21.159.712.206) | 2.528.070.915.560 |
| 8. | Chi phí bán hàng | 25 | 163.558.733.838 | 81.252.134.251 | 244.810.868.089 |
| 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 51.262.624.547 | (55.672.710) | 51.206.951.837 |
| **14.** | **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)** | **50** | **197.334.313.961** | **13.828.827.257** | **211.163.141.218** |
| 15. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 41.268.794.585 | (1.367.338.865) | 39.901.455.720 |
| 16. | (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | (1.837.700.341) | 4.133.104.316 | 2.295.403.975 |
| **17.** | **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)** | **60** | **157.903.219.717** | **11.063.061.806** | **168.966.281.523** |
| 18. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 3.126 | 163 | 3.289 |

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm trước (Số liệu đã báo cáo) VND | Số điều chỉnh VND | Năm trước (Trình bày lại) VND |
|---|---|---|---|---|
| **I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | | |
| ***1. Lợi nhuận trước thuế*** | ***01*** | ***224.991.968.475*** | **13.828.827.257** | ***211.163.141.218*** |
| ***2. Điều chỉnh cho các khoản:*** | | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 87.327.426.601 | 113.148.022 | 87.214.278.579 |
| Các khoản dự phòng | 03 | (38.446.023.431) | (20.665.521.580) | (17.780.501.851) |
| Thay đổi các khoản phải trả | 11 | (25.477.459.811) | 7.386.557.659 | (32.864.017.470) |
| Thay đổi chi phí trả trước | 12 | 586.494.972 | (55.672.710) | 642.167.682 |
| **II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ | 21 | (180.098.599.178) | (607.338.648) | (179.491.260.530) |

**Nguyễn Văn Diệp**
**Người lập biểu**

**Nguyễn Duy Hưng**
**Kế toán trưởng**

**Lê Văn Năm**
**Tổng Giám đốc**
*Ngày 17 tháng 3 năm 2020*

# PHỤ LỤC

*Bảng 01*

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 1 | Số 16/NQ-HĐQT/2019 | 10/01/2019 | Nhất trí thông qua dự thảo văn bản gửi Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh (có dự thảo văn bản lần 2 kèm theo). |
| 2 | Số 26/NQ-HĐQT/2019 | 17/01/2019 | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch ĐTXD năm 2018 (lần 3) của Công ty. |
| 3 | Số 50/NQ-HĐQT/2019 | 31/01/2019 | - Thông qua kết quả thực hiện SXKD Quý IV và năm 2018, kế hoạch SXKD Quý I và dự kiến cả năm 2019.<br>- Ghi nhận số liệu báo cáo, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư năm 2018 và Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019; Thống nhất chủ trương thuê đơn vị tư vấn thẩm định các Báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật) của các Dự án có tổng mức đầu tư lớn, quy mô và công nghệ phức tạp… trước khi trình HĐQT phê duyệt.<br>- Ghi nhận nội dung báo cáo đánh giá của Tổng giám đốc sau quy hoạch lại sản xuất năm 2018 so với cùng kỳ.<br>- Ghi nhận số liệu BCTC năm 2018 chưa kiểm toán.<br>- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.<br>- Nhất trí thông qua Danh sách bổ nhiệm lại các vị trí Người quản lý Công ty: Ông Lê Văn Năm – bổ nhiệm lại chức danh Phó Tổng giám đốc Kỹ thuật - Sản xuất Công ty và Ông Nguyễn Duy Hưng – bổ nhiệm lại chức danh Kế toán trưởng Công ty.<br>- Liên quan Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán số 46/QĐ-XPVPHC ngày 18/01/2019 của SSC đối với Công đoàn Pinaco, yêu cầu Tổng giám đốc Công ty triển khai thực hiện các nội dung sau: (1) Chỉ đạo các bộ môn có liên quan kịp thời chấn chỉnh công tác báo cáo, kiểm tra, và công bố thông tin… theo quy định; (2) Nghiêm túc kiểm điểm, rút kinh nghiệm đồng thời chỉ đạo các bộ môn có liên quan không được tái phạm, Công đoàn Pinaco nộp phạt theo quyết định.<br>- Thông qua chủ trương tái ký hợp đồng tín dụng vay ngắn hạn với Ngân hàng Shinhan Việt Nam và ký hợp đồng tín dụng vay ngắn hạn với Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung |
|---|---|---|---|
| | | | Company Limited (SCB) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.<br>- Thống nhất đề nghị Tổng giám đốc chỉ đạo các bộ môn phối hợp trong việc cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như đề xuất của Ban kiểm soát. |
| 4 | Số 51/QĐ-PA-HĐQT | 31/01/2019 | Về việc bổ nhiệm lại chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty. |
| 5 | Số 52/QĐ-PA-HĐQT | 31/01/2019 | Về việc bổ nhiệm lại chức danh Kế toán trưởng Công ty. |
| 6 | Số 97/NQ-HĐQT/2019 | 06/03/2019 | Thông qua Tờ trình phê duyệt điều chỉnh Hệ thống thang, bảng lương cơ bản áp dụng từ ngày 01/01/2019. |
| 7 | Số 98/QĐ-PA-HĐQT | 06/03/2019 | Về việc ban hành "Hệ thống thang, bảng lương cơ bản" năm 2019. |
| 8 | Số 99/NQ-HĐQT/2019 | 06/03/2019 | Thông qua quỹ tiền lương thực hiện năm 2018. |
| 9 | Số 139/QĐ-PA-HĐQT | 01/04/2019 | Về việc thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. |
| 10 | Số 140/QĐ-PA-HĐQT | 03/04/2019 | Về việc cử cán bộ đi công tác tại Trung Quốc. |
| 11 | Số 171/NQ-HĐQT/2019 | 17/04/2019 | - Thông qua công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.<br>- Thông qua kết quả thực hiện SXKD Quý I năm 2019, kế hoạch SXKD Quý II và dự kiến 06 tháng đầu năm 2019.<br>- Ghi nhận số liệu báo cáo, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trong Quý I năm 2019.<br>- Về việc cho ý kiến đối với Công văn số 248/PA ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Tổng giám đốc Công ty CP Pin Ắc quy Miền Nam về việc giải trình thẩm quyền ký kết hợp đồng gia công xử lý phế liệu chì năm 2014 gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP HCM: (1) Nhất trí thông qua dự thảo văn bản trả lời của Hội đồng quản trị gửi Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh (có dự thảo văn bản kèm theo); (2) Giao Chủ tịch HĐQT ký ban hành văn bản nói trên.<br>- Về Chiến lược phát triển Công ty và các dự án đầu tư mới có liên quan: (1) Về chiến lược phát triển Công ty: Tiến độ thực hiện công tác lập chiến lược chậm, đến nay vẫn chưa trình dự thảo lần 1. Đề nghị Tổng giám đốc tiếp thu các ý kiến góp ý tại cuộc họp của các thành viên Hội đồng quản trị sớm hoàn thiện chiến lược trình HĐQT trong quý II/2019; (2) Về các dự án đề xuất đầu tư mới: (a) Đối với các dự án nhóm C: Đề nghị |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung |
|---|---|---|---|
| | | | Tổng giám đốc tiếp thu các ý kiến đã góp ý tại cuộc họp của các Thành viên Hội đồng quản trị chỉ đạo các bộ phận chuyên môn sớm hoàn thiện Báo cáo NCKT Dự án; (b) Đối với các dự án đầu tư nhóm B: Đề nghị Tổng giám đốc tiếp thu các ý kiến đã góp ý tại cuộc họp của các Thành viên Hội đồng quản trị để chỉ đạo các bộ phận chuyên môn sớm hoàn thiện các Báo cáo NCKT (đặc biệt các Báo cáo NCKT cần tập trung tính toán, phân tích về thị trường, nguồn vốn thực hiện, hiệu quả kinh tế và mức độ ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019 và các năm tiếp theo....) để từ đó có đề xuất việc triển khai đầu tư dự án cho phù hợp với khả năng của Công ty nhằm duy trì hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và các năm tiếp theo của Công ty. |
| 12 | Số 191/PA-HĐQT | 22/04/2019 | Nghị quyết thông qua nội dung ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 Pinaco trình ĐHĐCĐ phê duyệt. |
| 13 | Số 217/NQ-HĐQT/2019 | 15/05/2019 | Thông qua việc chi thưởng Cán bộ quản lý Công ty. |
| 14 | Số 237/NQ-HĐQT/2019 | 20/05/2019 | Nhất trí thông qua Quy chế bán hàng và Quy chế chi Hoa hồng môi giới. |
| 15 | Số 238/QĐ-PA-HĐQT | 20/05/2019 | Về việc ban hành Quy chế bán hàng. |
| 16 | Số 239/QĐ-PA-HĐQT | 20/05/2019 | Về việc ban hành Quy chế chi Hoa hồng môi giới. |
| 17 | Số 258/NQ-HĐQT/2019 | 03/06/2019 | Thông qua việc lựa chọn Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2019 của công ty. |
| 18 | Số 259/NQ-HĐQT/2019 | 03/06/2019 | Thông qua việc quyết toán cổ tức năm 2018. |
| 19 | Số 268/QĐ-PA-HĐQT | 05/06/2019 | Cử Ông Lê Văn Năm - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật – sản xuất Công ty đi công tác ngắn hạn tại Dubai. |
| 20 | Số 277/QĐ-PA-HĐQT | 12/06/2019 | Thống nhất để Ông Trần Thanh Văn - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty đi tham quan du lịch ngắn hạn tại Canada và Mỹ theo đề nghị. |
| 21 | Số 278/NQ-HĐQT/2019 | 12/06/2019 | Thông qua điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án "Đầu tư xây dựng xưởng lá cực chì tại Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2". |
| 22 | Số 279/QĐ-PA-HĐQT | 12/06/2019 | Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng xưởng lá cực chì Tại Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2. |
| 23 | Số 321/NQ-HĐQT/2019 | 22/07/2019 | - Thông qua kết quả thực hiện SXKD Quý II và 06 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch SXKD Quý III năm 2019. |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung |
|---|---|---|---|
| | | | - Ghi nhận số liệu báo cáo, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư 06 tháng đầu năm 2019;<br>- Thống nhất phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án "Đầu tư xây dựng xưởng lá cực chì tại Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2";<br>- Thống nhất chủ trương điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số XL2 thuộc dự án "Đầu tư xây dựng xưởng rửa cắt thẻ chì tại Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2;<br>- Thống nhất về chủ trương thuê các máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm ắc quy nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường…<br>- Thống nhất phân công nhiệm vụ cho thành viên Hội đồng quản trị mới.<br>- Thông qua kế hoạch thu, chi quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 theo đề nghị của Tổng giám đốc, Công đoàn.<br>- Thông qua chủ trương Thông báo việc nghỉ chế độ đối với Ông Trần Thanh Văn, Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật. |
| 24 | Số 322/NQ-HĐQT/2019 | 22/07/2019 | Thông qua chủ trương tái ký và ký hợp đồng tín dụng vay ngắn hạn, trung dài hạn với các ngân hàng tín dụng. |
| 25 | Số 324A/QĐ-PA-HĐQT | 23/07/2019 | Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Đầu tư xây dựng xưởng lá cực chì tại Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai 2. |
| 26 | Số 334/NQ-HĐQT/2019 | 30/07/2019 | Thông qua Kế hoạch khôi phục thiết bị, nhà xưởng để khắc phục sự cố cháy tại Phân xưởng hóa thành thuộc Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2 của Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam nhằm khẩn trương đưa Phân xưởng hóa thành trở lại hoạt động sản xuất ổn định. |
| 27 | Số 342/NQ-HĐQT/2019 | 05/08/2019 | Thông qua Danh sách nhân sự thành lập Hội đồng giá Công ty. |
| 28 | Số 343/NQ-HĐQT/2019 | 05/08/2019 | Thành lập Hội đồng giá Công ty. |
| 29 | Số 365/NQ-HĐQT/2019 | 24/08/2019 | Chấp thuận thuê các máy móc, thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất ắc quy đáp ứng nhu cầu thị trường (Chi tiết về chủng loại, số lượng các loại máy móc thiết bị như trong Tờ trình số 519/PA-RD ghi ngày 16/8/2019 của Tổng giám đốc PINACO). |
| 30 | Số 390/NQ-HĐQT/2019 | 11/09/2019 | Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu "Thi công cải tạo nền xưởng hóa thành và phủ FRP xưởng rửa cắt thẻ chì tại Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2". |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 31 | Số 391/QĐ-PA-HĐQT | 11/09/2019 | Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư xây dựng xưởng rửa cắt thẻ chì tại Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2. |
| 32 | Số 423/NQ-HĐQT/2019 | 30/09/2019 | Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại chức danh Giám đốc Xí nghiệp Ắc quy Sài Gòn (kiêm Giám đốc Xí nghiệp Pin Con Ó) đối với Ông Tạ Duy Linh để triển khai các bước tiếp theo đúng quy định. |
| 33 | Số 428/NQ-HĐQT/2019 | 04/10/2019 | Thông qua chủ trương đầu tư Dự án "Hệ thống quan trắc tự động liên tục chất lượng nước thải sau xử lý" tại Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai. |
| 34 | Số 437/QĐ-PA-HĐQT | 14/10/2019 | Nhất trí cử Ông Trần Thanh Văn - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và Ông Đào Ngọc Minh Tiến - Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Công ty đi công tác ngắn hạn tại Philippines. |
| 35 | Số 456/NQ-HĐQT/2019 | 26/10/2019 | - Thông qua kết quả thực hiện SXKD Quý III và 09 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch SXKD Quý IV năm 2019.<br>- Ghi nhận số liệu báo cáo, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư 09 tháng đầu năm 2019…<br>- Thống nhất ban hành quyết định nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm và các chế độ khác theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành đối với Ông Trần Thanh Văn - Tổng giám đốc Công ty từ ngày 01 tháng 02 năm 2020. Giao Chủ tịch HĐQT ký ban hành quyết định.<br>- Tiếp thu ý kiến tại Văn bản số 15/VB-BKS/2019 ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Ban kiểm soát. |
| 36 | Số 468/QĐ-PA-HĐQT | 01/11/2019 | Về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với Ông Trần Thanh Văn – Tổng Giám đốc Công ty. |
| 37 | Số 533/NQ-HĐQT/2019 | 20/11/2019 | Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2019. |
| 38 | Số 534/NQ-HĐQT/2019 | 22/11/2019 | Chấp thuận việc nâng lương cơ bản đối với Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Trưởng ban kiểm soát Công ty. |
| 39 | Số 535/QĐ-PA-HĐQT | 22/11/2019 | Về việc nâng lương cơ bản năm 2019 đối với Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Trưởng ban kiểm soát Công ty. |
| 40 | Số 548/NQ-HĐQT/2019 | 02/12/2019 | Về việc ban hành kèm theo Nghị quyết này "Kế hoạch thực hiện Quy trình bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty". |
| 41 | Số 551/NQ-HĐQT/2019 | 04/12/2019 | Chấp thuận cử các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty tham dự các sự kiện, các hoạt động đột xuất tại Philippines nhằm quảng bá thương hiệu Pinaco trong khoảng thời gian diễn ra Seagame |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung |
|---|---|---|---|
| | | | 30 từ ngày 25 tháng 11 năm 2019 đến ngày 15 tháng 12 năm 2019. |
| 42 | Số 553/NQ-HĐQT/2019 | 06/12/2019 | Thống nhất nhân sự dự kiến bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty đối với Ông Lê Văn Năm. |
| 43 | Số 566/NQ-HĐQT/2019 | 22/12/2019 | Chấp thuận thuê các máy móc, thiết bị của dây chuyền lắp ráp ắc quy VRLA xe gắn máy nhằm tăng năng lực sản xuất ắc quy VRLA đáp ứng nhu cầu thị trường (Chi tiết về chủng loại, số lượng các loại máy móc thiết bị như trong Tờ trình số 758/PA-RD ghi ngày 13/12/2019 của Tổng giám đốc Công ty). |
| 44 | Số 567/NQ-HĐQT/2019 | 22/12/2019 | Chấp thuận thuê các máy móc, thiết bị sản xuất Pin R03 nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất, giảm phế phẩm,… tăng sức cạnh tranh với đối thủ (Chi tiết về chủng loại, số lượng các loại máy móc thiết bị như trong Tờ trình số 761/PA-RD ghi ngày 13/12/2019 của Tổng giám đốc Công ty). |
| 45 | Số 576/NQ-HĐQT/2019 | 28/12/2019 | - Nhất trí thông qua chủ trương thực hiện quy trình kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với Ông Đào Ngọc Minh Tiến để triển khai các bước tiếp theo đúng quy định. |

*Bảng 02:* (Đính kèm theo Báo cáo số: 06/BKS-TTr/2020 ngày 10/4/2020)

| Stt | Số biên bản | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ tham gia |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 01/BBH-BKS/2019 | 23/01/2019 | Thống nhất triển khai công tác kiểm tra số liệu BCTC năm 2018 và dự thảo văn bản đề xuất Công ty cung cấp hồ sơ tài liệu phục vụ thẩm tra BCTC năm 2018. | 3/3 |
| 2 | 02/BBH-BKS/2019 | 06/03/2019 | - Báo cáo sơ lược công tác kiểm tra số liệu BCTC năm 2018.<br>- Thống nhất dự thảo văn bản gửi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam cho ý kiến về một số bút toán hạch toán BCTC năm 2018 (Lần 1). | 3/3 |
| 3 | 03/BBH-BKS/2019 | 16/03/2019 | - Thống nhất dự thảo văn bản gửi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam cho ý kiến về một số bút toán hạch toán BCTC năm N2018 (Lần 2).<br>- Triển khai công tác phân công lập Báo cáo thẩm định gửi Tập đoàn HCVN; Báo cáo hoạt động của BKS và Tờ trình "Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019" trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019. | 3/3 |
| 4 | 04/BBH-BKS/2019 | 08/04/2019 | Thống nhất dự thảo văn bản gửi HĐQT và TGĐ đề xuất Công ty cung cấp bổ sung hồ sơ, chứng từ liên quan đến việc lập quỹ mua cổ phiếu PAC. | 3/3 |

| Stt | Số biên bản | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ tham gia |
|---|---|---|---|---|
| 5 | 05/BBH-BKS/2019 | 22/05/2019 | - Xem xét, lựa chọn Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019.<br>- Thống nhất dự thảo văn bản khuyến nghị gửi HĐQT và TGĐ (Lần 1). | 3/3 |
| 6 | 06/BBH-BKS/2019 | 28/05/2019 | Thống nhất lựa chọn Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019 và dự thảo Tờ trình gửi HĐQT Công ty. | 3/3 |
| 7 | 07/BBH-BKS/2019 | 27/07/2019 | Thống nhất nội dung liên quan BKS đưa vào Báo cáo tình hình quản trị Công ty 06 tháng đầu năm 2019. | 3/3 |
| 8 | 08/BBH-BKS/2019 | 15/10/2019 | - Thống nhất triển khai công tác kiểm tra số liệu BCTC quý II và 06 tháng năm 2019, quý III và 09 tháng năm 2019; Và dự thảo văn bản đề xuất Công ty cung cấp hồ sơ tài liệu phục vụ thẩm tra BCTC 09 tháng năm 2019.<br>- Thống nhất dự thảo văn bản khuyến nghị gửi HĐQT và TGĐ (Lần 2). | 3/3 |

*Bảng 03*

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| STT | Các chỉ tiêu | Thực hiện năm 2018 | Kế hoạch năm 2019 | Thực hiện năm 2019 | So sánh (%) | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Cùng kỳ | Kế hoạch |
| 1 | Tổng doanh thu | 3.274 | 3.400 | 3.541 | 108,2 | 104,2 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 211 | 182 | 212 | 100,4 | 116,5 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 169 | … | 167 | 98,7 | |
| 4 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP) | 3.289 | … | 3.228 | 98,1 | |
| 5 | Cổ tức | 20% | ≥15% | (*) 20% | 100,0 | 133,3 |
| 6 | Vốn điều lệ (làm tròn số) | 465 | | 465 | 100,0 | |

*(*) Đã chi trả tiền mặt 15%, dự kiến chia thêm 5% và chờ ĐHĐCĐ thông qua.*




**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**
321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84 28) 3920 3062 - Fax: (84 28) 3920 3060
www.pinaco.com.vn - Mail: pinaco@pinaco.com.vn